

TRITÂN

TẬP CHÚ VĂN HÓA RA HÀNG TUẦN

Mục lục

- | | |
|--|----------------------------|
| * Máy nhà báo Liên khu... | <i>Hoa-Bàng</i> |
| * Ba vị trung-nghĩa triều Trần | <i>Ứng-Hòa</i> |
| * Kịch « Kinh-Kha » | <i>Cao-Cương</i> |
| * Những ông nghề triều Lê (LXIV) | <i>Nguyễn-văn-Tổ</i> |
| * Họ vua nhà Nguyễn | <i>Từ Ngoc</i> |
| * Tạo hóa và nhân loại (Hết) | <i>Minh-Tuyên</i> |
| * Những lời di chúc của mấy
danh nhân Đông, Tây (hết) | <i>Phạm-mạnh-Phan</i> |
| * Đại-Nam dật sự (XIII) | <i>Ứng-Hòa</i> |
| * Việt-nam khoa-học ngữ (III) | <i>Nguyễn-trọng-Thuyết</i> |
| * Cháy cung Chương-võ (Tiểu thuyết, VI) | <i>Chu Thiên</i> |



Tòa Báo : 95-97, phố Chancéaulme, Hanoi

Một năm 12\$ 00 — 6 tháng 6\$ 50 — 3 tháng 3\$ 50 — Mỗi số 0\$ 30

MÂY NHÀ BÁO TIỀN-KHU

VÀ HỘI TRUYỀN-BÁ QUỐC-NGŨ HÃY CÒN GẶP NHAU TRONG CUỘC CỒ-ĐỘNG CHO CHỮ NƯỚC TA

HOA-BẮNG



Ở đây, tôi có tiếp được tờ đặt của ông trưởng ban Cồ-động Hội Truyền-bá Quốc-ngũ nhắc tôi đi tham các lớp học của Hội đang tiến hành.

Sau đó, tôi lại thấy một giáo-viên trong Hội ở trường Quỳnh-lôi thân đến thỉnh tôi đi thăm trường ấy trong những buổi học từ 8 giờ đến 9 giờ rưỡi tối hằng tuần (trừ tối thứ bảy và chủ nhật).

Rất sẵn lòng. Phải, tôi đã được chứng kiến công cuộc Hội ấy làm việc chống nạn thất học với bao sôi-sảng, bao gắng-gỏi và bao hoạt-động.

Trên tờ Tri-Tân này, có lần, bạn Khái-Sinh đã có bài kỹ thuật một buổi đi thăm lớp học của Hội Truyền-bá Quốc-ngũ.

Để tránh khỏi trùng một việc của bạn đã làm, tôi nay đứng về phương-diện khảo-cứu mà viết bài này, gọi là đáp lại cái nhĩa ý của Hội đã đoái đến.

Danh-từ « quốc ngữ » của ta đã có từ đời vua Trần Nhân-Tông, năm Thiệu-bảo thứ tư (1282). Sử chép: « Nguyễn Thuyên, người huyện Thanh lâm, tỉnh Hải-dương, khéo làm thơ phú quốc-ngữ; nhiều người bắt chước ông... » (Khâm định Việt-sử, quyển 7, tờ 26 a). Nhưng « quốc ngữ » mà sử chép đó là

chỉ về tiếng của nước ta, tức là thứ tiếng viết bằng chữ nôm, chứ không phải giống cái hình-thức chữ quốc-ngữ ngày nay chúng ta đang dùng.

Quốc-ngữ ngày nay là do mấy giáo-sĩ ngoại quốc sang ta hồi đầu thế-kỷ XVII truyền đạo Gia-tô, dựa theo chữ cái la-tinh mà đặt ra.

Ban đầu hai nhà truyền giáo người Bồ đào - nha đã phác hình thứ chữ quốc ngữ ấy mà làm được hai cuốn tự-vựng Việt-bồ và Bồ-việt. Về sau, ông Alexandre de Rhodes (1), giáo sĩ người Pháp, tập đại thành các lối trước, xếp đặt lại cho chữ quốc-ngữ có quy-ủ hơn. Rồi ông có ứng-dụng thứ chữ ấy trong cuốn tự-vựng Nam-lạp-bồ (xuất bản khoảng 1651). Đến cuối thế-kỷ XVIII, chủ giáo d'Adran sửa-sang lại chữ quốc-ngữ, thảo được bộ tự-diễn Nam-lạp.

Thế là chữ quốc-ngữ ghép bằng chữ cái la-tinh được thành-lập và truyền-bá từ đó. Nhưng, trong khi bên giáo đã biết dùng quốc-ngữ để dịch Kinh-thánh của đức Chúa Lôi và các sách truyền đạo, về đạo, thì hầu hết người mình hãy còn theo đuổi môn học « chi, hồ, giả, dã », chứ chưa mấy ai để ý đến thứ chữ « ngoằn-ngoẻo giấy muống » kia.

Sau vì thời-thế xô-dẩy, xã-hội ta nảy ra một lớp người làm

trung-gian cho Chính-phủ Pháp và dân Nam, ấy là các nhà tông-sự và mấy nhà báo tiên-khu lỗi-mới Pháp-thuộc.

Trải qua một cuộc thí-nghiệm mấy nhà đi tiên phong ấy thấy nó dễ-dàng tiện lợi, rất thích-dụng cho người mình, bèn lớn tiếng kêu gọi đồng bào mau mau học tập quốc ngữ.

Chứng-cớ ấy tôi thấy trên mấy tờ báo cũ ở xứ ta xưa.

Tờ Gia-định báo, số 4, ngày 15 Avril 1867, có viết :

« Thầy Ký (2) dạy học, có làm sách mẹo dạy học tiếng Lang-sa, có làm ra chữ quốc-ngữ để người ta dễ học, những người kị lỵ giỏi cùng siêng năng sẽ lo mà học chữ quốc-ngữ, vì có hai mươi bốn chữ mà viết được muôn ngàn chuyện, chữ chỉ mất rẽ cũng viết được, không phải như chữ ta (3), học già đời mà còn có chữ lạ viết không ra, ở đây phủ Tường (4) đã học được chữ quốc-ngữ, viết được, đọc được. Chữ ấy chẳng khó gì đâu, ra công học trong một đôi tháng thì thuộc hết. »

Dưới ảnh-hưởng của những cây viết cồ sù ấy, ở Nam-kỳ, vào khoảng từ 1873 đến 1880 đã có nhiều người biết quốc ngữ.

Chậm khai-thông hơn Nam-kỳ nên đối với những môn mới là

trên đường canh tân, ngoài Bắc này còn muộn hơn một từng nữa.

Sau bài báo trích trên đây hàng 30 năm, ở Bắc kỳ, ngày 24 tháng giêng năm 1897 mới thấy tờ Đại Nam đồng văn nhật báo, số 273, lên tiếng dưới cái đầu đề « Quốc-ngữ biện đồan », cổ động và giới thiệu người minh học-quốc-ngữ.

Nguyên văn bằng chữ hán, tôi xin dịch ra đây :

« Thanh là cái lòng mình tỏ ra. Tình phát ra làm thanh, thanh thành văn gọi là âm. Trong hoàn cầu, các nước đều có âm thanh, nhán thanh thành ra văn. Chữ mỗi nước một khác. Cầu lấy thứ chữ tiện cho người xem mà âm-tự không sai thì chỉ có chữ quốc ngữ mà thôi. Quốc ngữ là bắt chước chữ tây mà đặt ra, khác hẳn với chữ nho. Chữ nho mỗi âm đều có chữ khác, không thể chồng chất thêm vào. Đến như chữ quốc ngữ tại nghe thế nào thì truyền ra miệng thế ấy, bèn thêm nét mà làm chữ. Vì thứ chữ ấy là thanh, chứ không phải là nghĩa. Dùng 20 mấy chữ xen lẫn mà thành câu. Giáo sĩ đạo Thiên-chúa đến Đông dương đặt ra thứ chữ ấy đã 200 năm. Họ đến nước nào, một khi nghe được âm thanh của nước ấy thì liền biết dùng chữ bản quốc mà mô tả ra. Như Nhật bản và Ấn độ nguyên âm đã có sẵn rồi; khi người tây đến, liền biết lấy chữ của bản quốc viết ra mà làm thành.

« Tiếng nước Đại Nam, người tây lấy làm khó nói, nhưng lấy chữ tây mà viết ra

thì không sai lầm một chữ nào : xem đã không khó, viết cũng rất dễ, mà nhớ cũ 19 rất mau

« Người nước Nam học quốc ngữ mà đã thông hiểu và nhanh sáng, đành rằng không phải là ít, Duy những người ở những nơi xa khuất, nghe biết có khi chưa rộng. Vậy lục đăng mục này vào báo khiến cho mọi người đều biết. Quốc-ngữ là tiếng của nước ta, dùng nó rất tiện, ai nấy đều nên học biết. »

Rồi tác giả bài báo ấy cắt nghĩa : chữ quốc - ngữ có hai loại âm : một là chính - âm (5), một là phụ - âm (6). Chính âm thì có 6 chữ, tựu trung còn thay đổi đôi chút. Đến như phụ âm có 17 chữ kể cả trọng - âm thành 26 chữ thì không thay đổi. Chính âm là tự miệng đưa ra, không có giả tá ; phụ - âm thì phải có chính âm để giúp đỡ cho, chứ không thể nói riêng được.

Rồi tác giả cho thí dụ : 6 chữ chính - âm là, a, e, i, y, o, u ; 26 chữ phụ âm là, b, c, d, v. v...

Rồi chấp thành văn đề làm mẫu cho người học : 26 phụ âm hợp với chính âm như : h + a = ha, b + a = ba v. v...

Thế rồi luôn mấy kỳ, báo Đ. N. Đ. V. thường dành đến hai trang hàng tuần để đăng một liên-tục bài về-cách học quốc ngữ :

Số 274 ngày 31-1-1897 (tr. 6).
Số 275 ngày 14-2-1897 (tr. 6-7).
Số 276 ngày 21-2-1897 (tr. 6-7).
Số 277 ngày 28-2-1897 (tr. 5-7).
Số 278 ngày 7-3-1897 (tr. 6-7).
Số 279 ngày 14-3-1897 (tr. 6-7).
Số 280 ngày 21-3-1897 (tr. 6-7).
Đề tiếp tục việc ấy, báo Đ.N.Đ.V. số 282 (4-4-1897), có mục Đề dịch thứ : tương (trang 6) với

cái « mũ » « Nay trích lấy 2 mục Dịch lại bỏ hoàn (7) và Bắc viên quy thuận (8) trong số báo này, lấy chữ quốc ngữ dịch âm chữ nho để làm thí-dụ.

Có điều rất đáng chú ý là ngày nay nhiều người học chữ nho thường hay dùng quốc-ngữ mà chưa bên cạnh đề ghi âm chữ hán. Trái lại, trong bài báo Đ. N. Đ. V. trên đây dạy vỡ lòng học chữ quốc-ngữ lại dùng chữ nho đề chưa âm quốc-ngữ. Giá cáo bạn đọc bây giờ trông thấy nguyên văn bài ấy chắc không kì ỏi ngạc nhiên : tưởng như là một bài làm ra đề cho những người Trung hoa chứ không phải cho người Nam ta học. Rồi các bạn không khỏi lan man ngẫm-nghĩ : xưa ta muốn dễ nhớ quốc-ngữ, thì lấy chữ nho mà chưa âm quốc ngữ, nay ta lại muốn dễ nhớ chữ nho, thì lấy chữ quốc-ngữ mà chưa âm chữ nho. Thật là trong vòng luẩn quẩn !

1897-1943 : đằng đằng 46 năm trường ! Ngoài Bắc lấy còn phải theo đuổi công-cuộc cổ-dộng và truyền-bá học quốc ngữ. Một nơi không ngờ : mấy nhà báo tiền khu vẫn còn phải gặp Hội Truyền-bá học Quốc-ngữ trong công-cuộc ra-hội ấy.

Đến đây, tôi xin nhường lời cho Nguyễn-duy-Tinh, trưởng ban Giáo khoa hội T.B.H.Q.N. đã nói trong bài diễn văn của ông đọc ở Hội quán Trí-Tri, Hà-nội, ngày 18-3-1943 dưới đầu đề « Cái lễ huy đ, vì trong kinh Dịch đối với công, cuộc cứu tế và chống nạn thiên học trong xứ sở » :

(Xem tiếp trang 21

Ba vị trung-nghĩa triền Trần

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hội Truyền-bá quốc-ngữ mở lớp dạy cho những người không may bị cảnh thất học, có đặt ra mỗi khóa học bốn tháng; ai có thi-giờ học thêm thì Hội dạy những điều thường-thức về cách-trí, vệ sinh, luân lý, sử ký, địa dư, có khi lại đưa đi xem những danh-lam thắng-tích và những đền thờ các bậc vĩ-nhân.

Gần đây, ông đốc học ở khu trường Hoàng mai của Hội Truyền-bá quốc-ngữ có hỏi tôi về thần-tích làng Hoàng mai và làng Tương-mai để kể lại cho học trò: tôi cố đem sách chữ nho ra tóm-lắt lại, nay dịch cả ra đây (chỉ trừ những đoạn có về thần-tiên) để độc giả biết rõ sự tích ba vị anh-hùng đáng đề cho quốc-dân ghi nhớ tôn-sùng.

Thần-tích làng Hoàng-mai chép: từ xưa làng Bồ-mai (nay Hoàng-mai và Tương-mai) thờ hai vị đại-vương, là Chân-thiên đại-vương, tên húy là Trần-khát-Chân (có người đọc nhầm là Trần khắc-Chân), tên tự là Kinh-đức, và Hương-mai đại-vương, tên húy là Trần-Hương, tên tự là Hăng (một âm nữa là Hàng; có người đọc nhầm là Hãn).

Tiên-tổ hai vị đại-vương ấy là Trần-bình-Trọng, dòng-dối vua Lê Đại-Hành (980-1005); bộ *Khâm-định Việt-sử thông giám cương-mục*, quyển 11, tờ 10 a, chỉ chép Trần-khát-Chân là dòng-dối Bắc-ngũ-tiêu-vương. Trần-bình-Trọng; còn Trần-nguyên-Hăng thì chép

khác với thần-tích, dưới này sẽ dẫn.

Ông nội Bình-Trọng tên là Khâm, làm quan đời Trần Thái-tông (1225-1258), có công đánh Nguyên-Nộn ở Bắc-giang, được phong làm Khuông-quốc-thượng-tướng-quân Thượng-vị-tâu. Cha Bình-Trọng là Kinh được tước chữ minh, phụng mệnh đem bộ binh chống-cự với Tàu, cùng với chủ trại Qui-Hóa là Hà-Bổng chiêu-tập người Mường, người Mán ở Qui-hóa (Hưng-hóa) để đánh Mông-cổ. Khi Mông-cổ lui về vua Thái-tông cho Kinh và Đồng lược hầu và quốc-tính (họ Trần) Kinh mất, có con là Bình-Trọng, cũng có công đánh dẹp.

Nguyên tháng hai năm Trùng-hưng thứ nhất (1285), Trần Nhân-tông sai Hưng-đạo vương đem các đạo-quân của những vương hầu, đi chống nhau với quân Nguyên. (Mông-cổ). Hưng-đạo vương cho Bình-Trọng làm tiên-phong. Bình-Trọng nghe quân Nguyên đóng ở sông Thiên-mạc (nay là bãi Mạn-trù, huyện Đông-an, tỉnh Hưng-yên), bèn đi gấp tới đánh. Giặc Nguyên biết quân Bình-Trọng ít, cho hết quân ra đánh. Bình-Trọng thua ở bãi Thi-mạc, bị giặc bắt, nhai đói, không ăn; giặc hỏi việc nước, không đáp, sau hỏi mĩa rằng: « Muốn làm vua Tàu chăng? » (chữ nho là: Vi Bắc-vương hồ?). Bình-Trọng mắng to lên rằng: « Thà làm quỷ nước Nam, còn hơn làm vua đất Bắc » (Ninh vi Nam-

quỷ, bất vi Bắc-vương)! Rồi bị giặc Nguyên giết (việc này theo *Đại-Việt-sử-ký toàn thư*, quyển 5, tờ 47 a, *Khâm-định Việt-sử*, quyển 10, tờ 36 b-37 a, *Việt-sử tổng-vịnh*, quyển 5, tờ 4 b, đều chép vào tháng 2 năm Trùng-hưng thứ nhất; thần-tích làng Hoàng-mai chép vào đời Thiệu-long, có lẽ nhầm).

Khi quân Nguyên thua chạy về nước, vua phong cho Trần-bình-Trọng làm Báo-nghĩa-suy-trung-trí-lực-định-thắng-uy-vũ-đại-vương. Năm Hưng-long thứ tư (1296) cho con Bình-Trọng là Bình-Nguyên làm an-phủ-sứ lộ Kiến-xương. Bình-Nguyên sửa-sang trị sở ở Thịnh-quang, huyện Chân-ninh, làm việc quan khoan-hòa, cả lộ được yên.

Sau Bình-Nguyên mất, dân trong lộ làm biểu xin cho con Bình-Nguyên là Thừa-Gia làm chức an-phủ-sứ. Vua Trần Minh-tông (1314-1329) không cho. Thừa-Gia cố rèn-luyện học tập; trong hiệu Đại-khánh (1314-1323; *Đặng khoa lục* không chép khoa ấy) đỗ thái-học-sinh (tức tiến-sĩ), nhưng gặp vua Dụ-tông (1341) lên ngôi, hoang-dâm vô độ, Thừa-Gia không chịu ra làm quan.

Con là Thừa-Hựu học-nghiệp thuần-chính, người bấy giờ gọi là « Thiện-trai tiên-sinh ». Khi Hựu mất, con là Phúc-Xuân dời đến ở xã Ni-uế-dương, huyện Kim-động (nay thuộc phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên).

Phúc-xuân làm nghề thầy thuốc; con là Thừa-Mỹ, Hữu Độ và Hữu-Lập. Mỹ và Độ mất sớm; Phúc-Xuân buồn rầu, bỏ nghề thuốc, ngày đêm chỉ uống rượu cho khuây. Khi Phúc-Xuân mất, con là Hữu-Lập lại theo nghề làm thuốc; mới học có một năm đã tin thông; phàm người ốm còi nghèo khổ, đều nuôi trong nhà, ai có tật-bệnh, đều phát thuốc cứu chữa; cả huyện Kim-dông khen là hiền-sư. Người bạn của Lập là Nguyễn Hoa đã có câu khen rằng: « Con cháu ông Lập tất có nghề làm nên » (chữ nôm là Lập chi hậu-thế tất hữu lương gia).

Đến khi Lập mất, con là Vi-Nhân nối, làm gia-trưởng, theo nghiệp cha rồi lấy con gái xã Kim-dông là Đặng-thị-Thục làm vợ. Ngày tàn-sử tháng chạp năm Thiệu-khánh thứ nhất (1370) sinh Trần-khát-Chân ở ngôi nhà làm tại xã Kim-dông. Ngày giáp ngọ tháng hai năm Thiệu-khánh thứ ba (1372) sinh Trần-nguyên-Hằng ở ngôi nhà làm tại xã Nhữ-dương. Hai anh em được cha mẹ dạy bảo rất nghiêm (chép trong thần-tích-làng Hoàng-mai; theo bộ Khâm-dịnh Việt-sử thì hai ông không phải là anh em: quyển 11, tờ 10 a, chép Trần-khát-Chân là người huyện Vĩnh-ninh (Thanh-hóa), đồng-dối Bảo-nghĩa-vương-Trần-bình-Trọng; quyển 11, tờ 19 a-b, chép Trần-nguyên-Hằng là con Cung-tín-vương Trần-nguyên-Trạch; Khâm-dịnh Việt-sử tổng-vĩnh, quyển 5, tờ 7 a, chép Trần-khát-Chân là người làng Hà-lãng, huyện Vĩnh-ninh, tức là xã Hà-phong, huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hóa; tồ-phụ làm quan đến chức thượng-lưỡng-quân; Đại Việt sử-kỷ toàn-thư, quyển 8, tờ 34 b,

cũng chép như thế, nhưng lại nói bà đời làm thượng-lưỡng-quân).

Năm thứ tám hiệu Xương-phù đời Trần-Đế-hiến (1384) Khát-Chân và Nguyễn Hằng đều đỗ thái học-sinh (tức tiến-sĩ).

Tháng 10 năm Quang-thái thứ hai (1389), quân Chiêm-phạm vào cướp Thanh-hóa, phàm đến làng Cờ-vô. Quan quân ước ta đóng cọc quanh thuyền, đề phòng giữ, được hơn 20 ngày. Bèn giặc Chiêm thì đắp đập ở thượng-lưu sông Lương-giang, phục binh tượng ở dưới, giả cách nhử trại về lối. Thượng-hoàng (Trần-Nghệ-tông) sai Hồ-qui-Ly tuyên hịch, quân tinh-dũng đuổi theo để đánh, mở chỗ đóng cọc; quân thủy quân lục đều ra. Giặc Chiêm một mặt kéo đập nước, một mặt cho voi xông vào. Quân tinh-dũng của Hồ-qui-Ly không thể cứu nổi. Thuyền quân bị nước trong đập tháo ra, chảy xiết vào một chỗ, thành ra quân thủy quân bộ đều bị quân Chiêm giết hết. Hồ-qui-Ly thua, mà tướng đội quân Thánh-dực là Nguyễn-Cli thì bị giặc bắt (cũng có chỗ chép là Trần-dinh-Quy); còn những quân tướng khác, hơn 70 người, đều chết. Hồ-qui-Ly trốn về, đề ti-tướng là Phạm-khả-Vĩnh và quyền chức tướng đội quân Thánh-dực là Nguyễn-da-Phuông chống nhau với giặc Chiêm ở Ngự-giang (tức Lương-giang). Đêm ấy Đa-Phuông cùng Khả-Vĩnh bàn rằng: « Thế giặc như thế, ợ ăn ta thế cỏ, khó mà chống giữ được lâu; nếu muốn đem quân về, thì quân giặc tất nhiên là thừa cơ theo sau ». Bèn hạ lệnh cho các quân phó-tri ong cờ, sĩ, cho thật rục-rịch, hoặc nấp ở thuyền lớn ở cọc bên sông, sai người canh giữ ngày đêm, rồi lấy

thuyền nhẹ trốn về Giặc làra cơ, thả quân cướp bóc.

Còn Hồ-qui-Ly về kinh, xin thêm chiến-thuyền ra đánh, nhưng Thượng-hoàng không cho: Hồ-qui-Ly giả lại binh-quyền, không ra quân nữa. Khâm-dịnh Việt-sử, quyển 11, tờ 8 a-b a).

Đến tháng 11 năm ấy (1389) quân Chiêm phàm đồn Hoàng-giang (nay ở Ninh-bình). Thượng-hoàng sai đô-tướng là Trần-khát-Chân đem đội quân Long-tiếp đi đánh. Kị-át-Ci an vàng mệnh khải-khải: « Khóc và khóc rằng: « Chiêm thần vốn là phụ-dai nước ta, từ đời Đại-trí (1369) giữ về lại, thường sung tẫn đến công; từ đời Thiệu-khánh (1370) về sau thường xâm nhiễu cõi nhà vua, phàm đến và giá, tôi không dám được! Đại-tướng (Hồ-qui-Ly) và quân thua trận giờ đây. Nay tôi và ông mệnh ra đánh, nếu gặp yên thì sẽ ngày trước tẫn một (tức vua), nếu quân Chiêm hoán hán, thì về kinh kỳ không có việc ». Thượng-hoàng cũng rỏ mặt cười hiễn đưa.

(Xem tiếp trang 8)

Phòng thuốc
CHÙA PHỒI
Chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi - Tél. 1630

Giờ mở cửa:
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều

Đặc biệt: Thứ ba, thứ sáu
xét mạch, cho đơn không
lấy tiền.

Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hỏa
giao ngân. Và muốn hỏi bệnh
gi, định theo tem 0 \$ 06, sẽ
được trả lời ngay.

KỊCH «KINH KHA»

do ban Thê Lữ trình bày

CAO-CƯƠNG

Ai đã từng đọc sách Chiến-quốc chắc còn nhớ Kinh Kha đã vì lẽ-dân nước Yên, đã vì tri-kỷ là Thái-tử Đan nước ấy mà mưu thích vua Tần — nếu trước khi nói đến Kinh Kha, ta thử phác-quả cái tình hình xã hội đời Chiến-quốc, rồi từ cái tình hình ấy đem đối chiếu với vở kịch, sẽ biết ban kịch Thê Lữ đã thành công hay không trên sân khấu.

Nhà Đông Châu suy yếu, chư hầu mỗi người chiếm một phương không theo mệnh lệnh Thiên-tử; nước này lang bặc nước khác, chỉ những muốn xưng hùng xưng bá; xã hội thật là rối-ren, chính-trị thật là điên đảo.

Thời loạn là một cơ hội cho các tay tài tuấn xuất đầu lộ diện, nào những tay chính trị giỏi như Thường-Quân đem kinh luân tài trí đề lập nghiệp bá, thuyết khách như Tô Tần, Trương Nghi đã khéo đem ba tấc lưỡi du thuyết, chư hầu đề bày kế đề hợp từng, liên hoành, mưu mô thao lược như Tôn Vĩ, Tôn Tẫn, Bàng Quyên, bất nhân như Ngô Khởi, hào hiệp như Mạnh Thường quân, đều xuất hiện. Ngoài ra lại còn những tay hiệp sĩ kéo lê gươm đi thiên hạ đề « giữa đường thấy sự bất bình » thì ra tay gánh vác.

Kinh Kha chính là một trong các tay hiệp sĩ ấy, vì ngoài Kinh Kha còn Chuyết Thư, Yếu Ly, những hiệp sĩ ấy không vì Thiên-

tử nhà Châu, không vì đất nước, quê hương gì cả chỉ vì tri-kỷ mà hiến cả tính-mệnh nữa.

Cái thời rối ren ấy, tư tưởng tôn-quân, thân dân không còn gì cả nên đã có các nhà học giả như Mặc Tử, Mạnh Tử, muốn đem cái đạo của mình đề trị-loạn, đề an-bang, hay nói cho đúng là đề cứu-vãn lấy thời thế.

Nhưng sao được! Mạnh Tử đã nhọc lòng về việc đi các nước mà nói những nhời nhân-nghĩa trong buổi ấy!

Cái tình thế như hầu cừ thế kéo dài mãi cho đến khi các nước lớn thôn-tính các nước nhỏ rồi trở lại còn có nước Tần, Sở, Yên, Tề, Hàn, Triệu, Ngụy.

Trong số ấy, nhà Tần nhờ được phép cai trị độc đoán của Thương Ưởng, nên giàu mạnh, mới nghĩ được việc thôn tính các nước kia.

Chính lúc nước Tần đem binh đóng cỡi nước Yên, thì ta thấy Kinh Kha xuất hiện.

Kinh Kha là ai?

Kinh Kha là con nhà dòng dõi nước Tề, nước Tề loạn, phải trốn sang Ngô, rồi lại phải rời nước Ngô, ở Ngô không yên, lại bỏ sang nước Vệ, không dung thân được ở Vệ định đi sang nước Yên. Đi lang-thang như thế là vì muốn tìm bạn đồn chí để báo thù và gây dựng lại cho nước Tề. Nhưng đi đến đâu cũng không đạt, đành phải ẩn náu ở núi non cùng bạn là Cao Tiêm Ly đánh trộm hát những khúc khảng-khái bi ai.

Người tráng-sĩ ấy ôm mối hận mà đến nước Yên thì cũng chính lúc nước Yên có cái vạ quân nhà Tần kéo đóng ngoài cỡi.

Bạn cùng Điền Quang, quan nước Yên, Kinh Kha đã nhờ được ông này nhiều phen giúp đỡ, thì dịp đâu may mắn Thái tử Đan nước Yên lo cái vạ mất nước đến nơi, mới cầu kế ở Điền Quang. Ông này không còn gì hơn là tiến cử Kinh Kha lên Thái tử đề mưu việc hành thích.

Thái tử Đan đã đãi Kinh Kha thế nào? Nào đưa vàng đề ném xuống ao, nào mổ gan ngựa quý cho ăn, nào chặt tay mỹ-nhân dâng Kinh Kha. Các điều mua chuộc lòng Kinh Kha, Thái tử đều đem ra dùng hết.

Một điều nữa kích thích Kinh Kha là Điền Quang sợ tráng-sĩ không quyết giúp nước Yên, sau khi gặp Kinh Kha ở quán rượu, tự sát đề cảm lòng người hiệp-sĩ.

Kinh Kha phải vào yết kiến Thái tử, nhận lấy cái việc hành thích vua Tần. Biết là một việc chết mà phải nhận, người tráng-sĩ sông Dịch đã hi-sinh tính mệnh đề tạ lòng tri-kỷ.

Việc không thành, là vì vua Tần chạy thoát, vua Tần thoát, mạng Kinh Kha không còn. Chuyện Kinh Kha phác qua như trên, chép trong sách là cốt đề ghi cái lòng nghĩa hiệp của một tráng sĩ không phải vì trung quân, ái quốc, chỉ vì tri-kỷ mà gánh lấy cái chết đó thôi.

Vở kịch *Kinh Kha* diễn hai hôm thứ bảy và chủ nhật vừa rồi, 2, 3 Octobre 1943, tuy ban kịch đã (Xem tiếp trang 19)

BIA VĂN-MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 64

Ông-hòe NGUYỄN-VĂN-TỔ

Khoa đình-mùi, hiệu Hồng-đức thứ 18 (tức năm 1487) đời vua Lê Thánh-tông (1460-1497), lấy 27 ông đỗ tam-giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân, là những ông sau này:

1. — Phạm-Trần, người làng Đông-phù-liệt, huyện Thanh-dâm, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Đỗ hội-nguyên khoa đình-mùi 1487; vào đình-thí đỗ đồng-tiến-sĩ. Làm quan đến chức thừa-chánh-sứ (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 5 a-b).

2. — Nguyễn-thông-Doãn, người làng Tăng-quảng, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức tự-khanh (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 35 a).

3. — Nguyễn-Húc, người làng Tam-sơn, huyện Đông-ngạn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Năm tân-dậu 1501, niên-hiệu Cảnh-thống, ông làm quan Lại-bộ tả-thị-lang, phụng mệnh sung chức chánh-sứ sang nhà Minh về việc thuế-cống. Ông là anh ông Nguyễn-khiết-Tử, đỗ nhị-giáp năm 1496, là bác ông Nguyễn-Tảo, đỗ tam-giáp năm 1518, và Nguyễn-hòa-Trung, cũng đỗ tam-giáp năm 1518. Ông sinh ra ông Nguyễn-hy-Tái, đỗ nhị-giáp năm 1518, và Nguyễn-tự-Cường, đỗ nhị-giáp năm 1514. Cha con anh em đều đỗ đại-khoa (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 28 b-29 a).

4. — Phạm-Nại, người làng Bình-hồ, huyện La-giang, phủ Đức-quang, trấn Nghệ-an. Năm 26 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức phủ-doãn phủ Phụng-thiên (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Nghệ-an Hà-tĩnh, tờ 19 a).

5. — Vũ-Phải, người làng Yên-chân, huyện Yên-duong, phủ Kinh-môn, trấn Hải-duong. Năm 24 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức Hàn-lâm-viện hiệu-thảo (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 35 a). *Đặng khoa bị khảo* (quyển Hải-duong, tờ 88 a) chép làm quan đến Hàn-lâm-viện thị-độc.

6. — Nguyễn-duy-Minh, người làng Hà-trường, huyện Giáp-sơn, phủ Kinh-môn, trấn Hải-duong. Năm 30 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487 (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 35 a, chép đỗ năm 20 tuổi). Làm quan đến chức tả-thị-lang, lĩnh thừa-chánh-sứ (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-duong, tờ 96 a).

7. — Nguyễn-diệu-Huy, người làng Phi-xá, huyện Thiên-tài, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm 24 tuổi, đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức phó-dò ngự-sứ (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 35 b; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 122 b).

8. — Nguyễn-hanh-Phu, người làng Nội-duệ, huyện Liên-du, trấn Kinh-bắc. Năm 20 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm

quan đến chức thị-lang (*Đặng khoa lục* quyển 1, tờ 35 b). *Đặng khoa bị khảo* (quyển Kinh-bắc, tờ 18 a) chép làm quan đến tả-thị-lang.

9. — Nguyễn-Thù, người làng Bình-hồ, huyện Đông-an, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Làm nhà ở làng Thổ-hoàng, huyện Thiên-thị. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức tham-chính. Là cháu ông Nguyễn-Lệ đỗ nhị-giáp cùng khoa 1487; hai chú cháu cùng đỗ một khoa, cùng làm quan một triều (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 35 b, *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 61 a).

10. — Nguyễn-nho-Tông, người làng Vực-duong, huyện Thiên-Thị, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Năm canh-thân 1500 niên-hiệu Cảnh-thống, làm chức thượng-bảo thiếu-khanh. Phụng mệnh sung chức phó-sứ sang Tàu, tạ về việc vua nhà Minh sai quan sang lễ vua Lê Thánh-tông Thuận hoàng đế (1460-1497). Làm quan đến thượng-thư. Khi Mạc-dăng-Dung tiến, gọi (năm 1527), ông không chịu khuất, được phong là tiết-nghĩa *Lịch triều hiến-chương*, nhân-vật chí, *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 71 b; *Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 35 b).

11. — Nguyễn-tùng-Mục, người làng Hiến-nạp, huyện Diên-hà, phủ Tiên-hung, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức thị-lang. Khi nhà Mạc tiến ngôi (năm 1527), ông không chịu ra làm quan với nhà Mạc; sau nhà Lê trung hưng phôi-gi ông là tiết-nghĩa (*Đặng khoa lục*, (Xem tiếp trang 19)

BA VỊ TRUNG NGHĨA . . .*(Tiếp theo trang 5)*

Khi quân của Khát-Chân đến Hoàng-giang thì gặp giặc Khát-Chân xem không có chỗ đánh được, mới lui về giữ sông Hải-trào (nay ở tỉnh Hưng-yên, giáp-giới hai huyện Hưng-nhân và Tiên-lữ)

Em Trần Đế-hiện là Trần-nguyên-Diệu, muốn vì Đế-hiện báo thù, đem quân hàng với Chiêm-thành (*Khâm-dịnh Việt sử*, quyển 11, tờ 9 b).

Đến tháng giêng năm canh-ngọ, hiệu Quang-thái thứ ba (1390), Trần khát-Chân đánh được quân Chiêm ở Hải-trào, giết được vua Chiêm là Chế-bồng-nga (xem quyển Georges Maspero, *Le royaume de Champa*, trang 203-218).

Nguyên Chế-bồng-nga cùng với hàng tướng là Trần-nguyên-Diệu, đem hơn một trăm chiến-thuyền đến dòm dò hình thế quan quân nước ta. Các thuyền chưa họp lại với nhau thì tiểu thần của Chế-bồng-nga là Ba-lậu-kê bị Chế-bồng-nga trách phạt: hấn sợ bị giết, chạy sang quân ta, trở thuyền sơn lục bảo: « Đây là thuyền vua Chiêm ». Trần-khát-Chân liền sai đốt thuốc pháo, bắn ra một lượt, đạn bay chính vào mình Chế-bồng-nga, suốt qua ván thuyền: Chế-bồng-nga chết ngay, quân Chiêm đều sợ, rồi tan hết.

Trần-nguyên-Diệu nhân lấy đầu Chế-bồng-nga, chạy về với quân ta: chức phó-tướng ở đại-đội quân Long-tiếp là Phạm nhữ-Lạc và chức đầu-ngũ là Dương-Ngang bèn giết Trần-nguyên-Diệu, chém lấy đầu và lấy cả đầu Chế-bồng-nga đem dâng. Trần-khát-Chân sai đóng hòm đưa về hành-tại Bình-than (*Đại-Việt sử-ký*, quyển

8, tờ 17 b, chép Trần-khát-Chân sai chức quân-giám là Lê-khắc-Khiêm).

Khi tin được về đến nơi, mới trống canh ba, Thượng-hoàng giết mình dậy, tưởng là giặc đến. Kịp nghe tin thắng trận, mừng lắm, cho vời bách quan đến xem. Trăm quan đều lấy mừng. Thượng-hoàng nói rằng: « Ta với Chế-bồng-nga chống nhau đã lâu, nay mới được trông thấy, khác gì Hán Cao-tổ thấy đầu Hạng-Vũ! Thế là thiên-hạ được yên ».

Tướng Chiêm-thành là La-Khai thu nhặt những quân còn sống sót, hỏa táng thi-cốt Bồng-nga, đêm ngày đi vùng sơn cước, bắc giá làm bếp, thổi cơm ở trên, vừa đi vừa ăn, gặp quan quân của ta đuổi theo đánh, thì hấn dừng voi lại, quăng của-cải ra để ngăn cản, cho nên đem quân về nước được toàn vẹn.

Đến tháng ba năm Quang-thái thứ ba (1390), vua Trần Thuận-tông ban chiếu, định eong cho những người đi đánh Chiêm-thành: Trần-khát-Chân được làm chức Long-tiếp phụng-thần, nội-vệ thượng-tướng-quân, phong tước Vũ-tiết quan-nội-hầu (*Khâm-dịnh Việt-sử*, quyển 11, tờ 13 b), lĩnh tổng Đông-thành và tổng Nguyễn-xá làm thái-áp.

Năm Quang-thái thứ tư (1391), Trần-nguyên-Hãng được làm chức thái-bảo, phong tước Thượng-vi-hầu, lĩnh tổng Hưng-nguyên và tổng Trảng-lạc làm thái-áp.

Đoạn này chép theo thần-tích làng Hoàng-mai, so với quốc-sử không thấy chép Trần-nguyên-Hãng làm thái-bảo năm nào, chỉ thấy chép tháng 10 năm Quang-

thái thứ 6 (1393) Thượng-hoàng (Nghệ-tông) đem vợ Trần Đế-hiện là Trần-thị gả cho thái-bảo Trần-nguyên-Hãng. Người đàn-bà họ Trần ấy là con gái vua Trần Nghệ-tông, tên là Tuyên-huy công-chúa. Sau khi Trần Đế-hiện bị giết, Nghệ-tông muốn chọn người để gả, thì công-chúa nhân đi chơi hồ Tây, tư-bôn với phủ-quân-ty tên là Trần-nguyên-Uyển: Nghệ-tông giận, gả cho em Trần-nguyên-Uyển là Trần-nguyên-Hãng để cho nhục (*Khâm-dịnh Việt sử*, quyển 11, tờ 19 a).

Năm Quang-thái thứ 10 (1397) Trần khát-Chân lấy người Nhuế-dương là Lê-thị Ngọc-Giao làm vợ. Vua Trần Thuận-tông (1388-1398) lấy xã Cồ-mai làm thái-ấp cho Trần-khát-Chân và Trần-nguyên-Hãng. Từ bấy giờ, hai ông làm nhà ở-gò Nghé, xã Cồ mai để ở. Sau Trần-nguyên-Hãng lấy người làng Cồ-mai là Vũ-thị Ngọc-Tin làm vợ (chép trong thần-tích làng Hoàng-mai).

Tháng tư năm kỷ-mão (1399) hiệu Kiến-lân thứ hai đời Trần Thiếu đế (1398-1400), Hồ-quí-Ly giết Thượng-hoàng là Trần Thuận-tông ở Ngọc-thánh quán (nay ở thôn Đạm-thủy, huyện Đông-triều,

*Dạy học thuốc và chuyên
chữa Nội-khoa
theo thể-thức*

ĐÔNG-PHƯƠNG

chỉ có:

Thượng-Đức

15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tin-nhiệm, hoàn toàn

lĩnh Hải - dương). Trần - nguyên - Hảo và Trần-khát-Chân bàn mưu đến ngày hội mình (ăn thề) giết Hồ-quí-Ly (lệ nhà Trần thưởng hội mình về tháng tư).

Ngày hội mình họp nhau ở Đồn-sơn (xã Cao-mật, huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hóa, hiện nay hãy còn miếu thờ Trần-khát-Chân. Hồ-quí-Ly lên lầu nhà Trần-khát-Chân để xem lễ, làm dưng nghĩ-vệ Thiên-tử đi tuần hành. Phạm-tô-Thư (cháu tá-ông - quân Phạm-khả-Vĩnh) và thích-khách là Phạm-ngưu-Tất cầm gươm đứng tiền. Trần-khát-Chân cầm cờ mặt ngựa, thổi thành ra không xong việc. Hồ-quí-Ly thấy động, đứng dậy, vệ sĩ hộ vệ xuống lầu.

Phạm-ngưu-Tất quang gươm đứng đầu nói rằng: « Cả bọn rồi chết uống máu này » (Cử chúng đồ tử nhĩ)! Quả nhiên việc liến-đạt ra, thì thái-bảo là Trần-nguyên-Hảo, trụ-quốc là Nhật-Đối, tước-quân là Trần-khát-Chân và Phạm-khả-Vĩnh, thượng-thủ Hổ - đức - Lân (Toàn-thư, quyển 8, tờ 34a, chép là hành-khiên Hổ-đức-Lân), hành-khiên Lương-nguyên Bưu và bọn Phạm-ông-Thiện, Phạm-tô-Thư, Phạm-ngưu-Tất, cả bọn và thân-thuộc liêu-lá hơn 370 người đều bị hại, tịch-ký gia-sản (Toàn-thư, quyển 8, tờ 34a) chép cả bọn đều

bị giết, tịch-ký gia-sản, con gái bắt làm concubine ở nhà quan, con gái từ một tuổi giở lên, hoặc còn sống, hoặc chìm xuống nước).

Hồ-quí-Ly cho đi làm bắt dư đảng, hàng năm không thôi, cho nên những người quen nhau gặp nhau ở đường phố cũng nhao nhao bằng mắt, không dám nói chuyện (Khâm định Việt-sử, quyển 11, tờ 34a-35a); trong nhà không được chứa người đi đường ngủ nhờ; nếu có người ngủ đỗ thì phải báo nhà láng giềng đồng-đồng xét hỏi giấy tờ hành-lý để làm bảo chứng; các xã đều đặt điểm tuần (ngày đêm canh giữ xét hỏi Toàn-thư, quyển 8, tờ 34a).

Sau-táng hai ông ở Đồn Sơn, người làng cho là tử-tiết, lập miếu thờ. Người nhà là Vũ-Toản trốn về Đông-dã (tức Hà-nội bây giờ) đến làng Cổ-mai thu nhặt gia-tai chôn-cấp cho người trong làng. Người làng Cổ-mai bèn lập miếu thờ và tạc hai pho tượng đá. Sau vua Lê-Lợi (1418-1433) đẹp được giặc Minh, bố-cáo thiên-hạ, sai sứ đi biên-cáo bách thần, phụng Trần-khát-Chân làm Chân-thiên đại-vương, thụy Trung-hiến, Trần-nguyên-Hảo làm Hưởng-mai đại-vương, thụy Trung-tiết, Phạm-ngưu-Tất làm ngụy lang tướng quân (chép trong Annam chí làng Hoàng-mai). (1)

Ung-hoa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giới thiệu

Chúng tôi nay được cử nhà xuất bản Mai Lĩnh 4 cuốn sau này:

1) Đoàn Nồng: Sự tích và nghệ thuật hát bộ giá 3 \$ 00.

2) Phan Trần Chúc: Tinh-dò vương và thời Lê-mạt giá 1 \$ 20.

3) Nguyễn Đức Tín: Cảm-thình và hoạt động (tâm lý học) giá 1 \$ 30.

4) Minh Dân: Mạnh thường quân (một nhân vật trong thời chiến-quốc) giá 0 \$ 80.

5) Dương Quảng Hàm: Việt nam thi văn học tuyển (bản in 1943) giá bất buộc 1 \$ 40 của nhà Học Chính xuất bản.

Xin cảm ơn nhà xuất bản đã có nhã ý tặng sách và giới thiệu các tác phẩm trên đây của những nhà văn quen biết với bạn đọc.

Tri Tân

ĐÃ CÓ BÁN

Khảo-cửu về Tiếng Việt-Nam của Trà-Ngân giá 2 \$ 50

Các bạn mỗi người đều nên có một cuốn Khảo-cửu về tiếng Việt-Nam, để các bạn nói cho đúng, viết cho đúng tiếng nước nhà. — Các bạn còn biết cách làm các lời thơ phú, từ, kệ, và còn được thưởng-thức những áng văn kiệt tác trong văn-bộ giới Việt-Nam.

Công - chúa tóc vàng
Tức Hoa Mai số 32
của Phan-Nhữ giá 0 \$ 20

THẨM-HIỂM
GỖ KHÚC-RỒNG
Tức Hoa Mai số 33
của Nguyễn-Phủ-Độc giá 0 \$ 10
Nhà Xất bán Cổ-học - tư
Nº 9, Rue Takou - Hanoi

Muốn làm giàu mau há số

Dông Pháp

1p.00 một vé

HỌ VUA NHÀ NGUYỄN

TỬ-NGỌC

Một du-khách ở Bắc hay ở Nam đến Huế thường ngạc nhiên thấy ở đất Thần-kinh rất nhiều họ khác nhau, mà những họ ấy là những chữ rất quý quặc : nào là Ứng Mỗ, Bửu Mỗ, nào là Chiêm Mỗ, Viễn Mỗ ; nào là Cường Mỗ, Tráng Mỗ, nào là Thề Mỗ, Dương Mỗ.

Thực ra những chữ đặt trước tên đó không phải là họ mà chỉ là những chữ lót đặt trước tên những người trong những hoàng-tộc. Đáng lẽ ra phải đặt là : Nguyễn Phước Ứng Mỗ, Nguyễn-Phước Bửu Mỗ.

Song những chữ lót ấy không phải là tùy ý đặt thế nào cũng được, mà phải đặt theo một qui-tắc nhất định :

Nguyễn vua Gia-long sinh được 13 hoàng-tử. Trừ hai người mất sớm, còn 11 người.

Mỗi người đều được vua Minh-mạng đặt cho một bài thơ ngũ ngôn tứ-tuyệt, đề cứ theo đó mà lần lượt đặt chữ lót cho con cháu.

Bài thơ thuộc về con cháu vua Minh-mạng thì gọi là « đế hệ thi » còn 10 bài thơ thuộc con cháu các hoàng-tử khác của vua Gia-long gọi là « phiên-hệ-thi ».

Dưới đây, chúng tôi xin chép hai câu đầu trong mỗi bài thơ đó, để độc-giả có thể hiểu cách đặt chữ lót trong hoàng-tộc và có thể phân-biệt thế-thứ cùng sự liên-lạc của các hệ :

1. Ngành trưởng (ngành hoàng-tử Cảnh)

Mỹ duệ tang cường tráng
Liêu huy phát bội hương

2. Ngành thứ tư (ngành vua Minh-mạng)

Miên hương ung bửu vĩnh
Bảo quý định long trường

3. Ngành thứ năm (ngành Kiến-an-vương)

Lương kiến ninh hòa thuật
Du hành suất nghĩa phương

4. Ngành thứ sáu (ngành Định-viên-quận-vương)

Tĩnh hoại chiêm viễn ái
Cảnh ngự diệu mạo thanh kha

5. Ngành thứ bảy (ngành Diên-khánh-vương)

Diên hội phong banh hiệp,
Trùng phùng tuần lãng nghi.

6. Ngành thứ tám (ngành Điện-bàn-công)

Tin điện tư duy chánh
Thành tồn lợi thỏa trình

7. Ngành thứ chín (ngành Thiệu-hóa-quận-vương)

Thiện thiệu kỳ tuần lý
Văn tri tại mẫn du

8. Ngành thứ mười (ngành Quảng-oai-công)

Phụng phù trưng khải quang
Kim ngọc trác tiêu kỳ

9. Ngành thứ mười một (ngành Thường-lin-quận-vương)

Thường các tuần gia huấn
Lâm trung túy thanh cung

10. Ngành thứ mười hai (ngành An-khánh-vương)

Khâm tòng xung ý phạm
Nhã chánh thủy hoàng qui

11. Ngành thứ mười ba (ngành Từ-sơn-công)

Từ thề dương quỳnh cầm
Phu văn ái diệu dương

Cứ xem các câu thơ ấy, ta sẽ thấy :

Thí-dụ :

— người lót chữ *tráng* là con người lót chữ *cường*, cháu người lót chữ *lãng* ;

— người lót chữ *vĩnh* là con người lót chữ *bửu*, cháu người lót chữ *ưng* ;

— người lót chữ *ái* là con người lót chữ *viễn*, cháu người lót chữ *chiêm*.

Ta lại có thể biết rằng : *tráng* ngang hàng với *vĩnh* với *ái*, *cường* ngang hàng với *bửu*, với *viễn*, *lãng* ngang hàng với *ưng* với *chiêm*...

Hiện nay ngành thứ nhất còn 32 người,

ngành thứ tư còn 2.200 người,

ngành thứ năm còn 46 người,

ngành thứ sáu còn 183 người,

ngành thứ bảy còn 39 người,

ngành thứ tám còn 8 người,

ngành thứ chín còn 18 người,

ngành thứ 10 không còn người nào,

ngành thứ mười một còn 8 người,

ngành thứ mười hai còn 9 người,

ngành thứ mười ba còn 79 người.

Sở dĩ ngành thứ tư cộp nhiều người, trội hẳn lên như thế, là vì vua Minh-mạng có những 78 hoàng-nam (1).

Ngoài các ngành nói trên, gọi là các *hệ chánh* (nghĩa là từ triều Gia-long trở về sau), còn các *hệ tôn-thất*, của những người là hậu-duệ của các chúa và anh em các chúa từ ông Nguyễn-Kim cho đến vua Gia-long. Những người đó đều đặt trước tên họ chữ *Tôn-thất*.

Cách đặt chữ lót kể trên chỉ dùng cho phái đàn ông thôi ; còn đàn bà thì đặt như thế này :

(Xem tiếp trang 21)

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 10

MINH-TUYỀN

Chúng ta đã thành công trên trận tuyến:
Cá-Nhân và Đồng-Loại; — Rợn rùng thay! —
Nên mới có phút giây này vinh-hiền
Nhưng riêng cho thế-hệ chúng ta đây,
Mà chung cả cho lớp người sau trước
Sẽ và đã tung hoành dưới bóng dương
Đề khám phá những cơ-quan hiểm hóc
Của hoá-công biến hoá từởng vô-lường.
Chúng ta đã thắng ta, Anh em hỡi!
Là dọn đường đi tới thắng thiên-nhiên.
Song không một lúc nào không gắng gỏi
Đề tâm-khẩu khôn hòng nổi dậy lên,

Lung-tung cờ phất. Dưới chân đá nất.
Dậy đất tiếng reo. Đuốc cháy, bùng-bùng.
Bùng-bùng đuốc cháy, Tiếng reo dậy đất.
Đá nất dưới chân. Cờ phất lung tung.

Anh em hỡi! Những ai, tay cầm đuốc,
Giữa đêm khuya mờ-mịt thẳng đường trông
Y-vĩ-Lịch, thần-sơn cao chót-vót,
Vịn vai nhau giấn bước tiến lên không,
Là biểu-hiệu người đời ta lớp-lớp
Đổi thay nhau, lần lượt nhẩy xông vào
Mặt chiến địa, sấm vang, loè ánh chớp,
Gió tung mây, thúc sóng, thổi ào-ào,
Lầm cát bụi, quay cuồng cơn lốc cuốn,
Đặc sương mù, xám thẫm khoảng không cùng,
Đen là Trời bí-hiểm, sâu vô-lận.
Lửa là tia nhân-não chiếu mộng-lung.

Và sức-mệnh của Loài-Người phản-chính
Là nơi cao chẳng quản bước chông gai,
Lấy tương-trợ, tương-thần làm bảo-lãnh
Đề coi thường cản-trở cõi trần ai.
Công-trình phá hoang-vu Hy-Mã-Lạp
Với kỳ-khhu tô-diêm cõi nhân-tâm
Đề tới đặng chốn « Loài Người hợp nhất »
Là tương-đương giá-trị quý vô ngần!
Anh em hỡi! còn dă nhân danh-dự
Với cá-nhân hạnh-phước mộng mong chờ
Chỉ hiển-hiện ở can trường cảm-tử
Ở hy-sinh, cố gắng, ở tôn-thờ
Một lý-tưởng, chẳng quan-tâm thắng bại,
Ở mê tín Nhân-Loại sẽ thành-công.
Sẽ đoạt đặng dải vô cùng vĩ-dại
Mà Hoá-Công cao đặt thưởng anh-hùng.
Ấy vũ-trụ đẹp say-sưa vạn thừa,
Chứa ly-kỳ biến tấu sắc triêu-lưu,
Song nếu vũ-trụ sinh thành vũ-trụ
Thì Loài-Người tọ-tát biết là bao?

Pháo nổ dậy, lách-chênh bầu vũ-trụ,
Trống rung liên, loạng-choạng bóng nhân-gian.
Đến bứt chớp, tiếng reo trời tưởng vỡ,
Lửa lung sao, tay vũ đất hồ tan.

XI

Nàng thơ hỡi! Ở đâu mắt? Đâu mắt
Rầy bát ngát trường-sơn cảnh diễn đàn,
Thế-giới lạ của Loài-Người hợp-nhất
Đang cuồng say, ngây-ngất thú hân-hoan?
Nàng thơ hỡi! Trời ơi! đây hiện-tại!
Hãy chớ ta đi! Hãy chớ ta đi!
Về Tương-Lai! Tương-Lai kia mãi-mãi!
Hãy chớ ta đi! Hãy chớ ta đi!

(Hết)

M. T.

Trần Danh An

Ông hiệu Liêm-Am, người làng Bảo triện, tỉnh Bắc-giờ, con quan Trần Danh-Lâm, thường thư đến Lê Trung-Huê.

Năm Chiêu-thương thứ 2 (1788), Trần Danh An đỗ tiến sĩ, rồi vì có công trong việc cầu viện quân Thanh, được thăng phó đô ngự-sứ.

Ông An, sáu khi Lê mất, vẫn không chịu ra làm quan với triều Tây sơn. Ông có lời cắt ý ở trung ương trong câu thơ này và mong sau lúc mình nhắm mắt, được người ta để rõ vào tấm bia trên mộ mình là một cố thần nhà Lê:

« Thân hậu, mộ bằng, nhận chỉ diêm:
« Lê triều, tiến sĩ, linh danh Trần. »

Nghĩa là:
Bên mộ, qua đường người chỉ trở:
Họ Trần, tiến sĩ ở triều Lê!

(Bản dịch của Hoa Bằng)

Cao Bá Quát

Ông người làng Phú-thị, huyện Gia lâm, Bắc-ninh, là một học-danh nhỏ dưới triều vua Tự-đức (1848-1883).

Ông nổi tiếng là hay chữ. Người đương thời đã có câu: « Van như Siêu, Quát vô Tiền Tấn », có ý khen van ông phò bang Nguyễn Siêu và ông Quát thì đến van hay như nhà Tiền Tấn bến Tàu cũng khó mà sánh kịp.

Cây có tài giỏi mà phải sống im lìm trong bóng tối, nên ông Quát lấy danh nghĩa làm mộ nhà Lê, đứng đầu một bọn người thường gọi là « giặc châu chấu » để chống lại với triều đình.

Gia nhập với bọn Lê duy Cự, ông nuôi mộng lớn chọc giận khuấy nước để làm nên một « vị Thái tổ sáng nghiệp của họ Cao ».

Năm Tự-đức thứ 7 (1854) ông cùng các đồng đảng bị bắt và bỏ cũi đưa về Hanoi để đem hành hình tại nguyên quán.

Tuy đã xa lưới pháp-luật, nhưng ông vẫn nuôi cái mộng « để vương », nên ngồi trong ngục thất, ông tức cảnh 12 câu thơ ngao-nguộc:

« Một chữ hề cùm lim chân có để
« Ba vòng xích sắt bước thì vương! »

Cho hay đến phút cuối cũng nguy nan, ông Quát vẫn còn có mộng đứng đầu thiên hạ.

Và trước lúc đem ra hành hình, ông còn ứng khẩu đọc 2 câu:
Ba hồi trống giục dù cha kiếp,
Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời!

Phan thanh Giản

Cụ đỗ tiến sĩ, làm quan dưới ba triều: Minh mệnh (1820-1840) Thiệu trị (1841-1847) và Tự-đức (1848-1883).

Hồi quân Pháp đánh lấy ba tỉnh phía đông Nam-kỳ, cụ ký hòa ước rồi sang Pháp.

Năm 1867, quân thuyền Pháp lại tiến đánh tỉnh Vĩnh long để lấy nốt ba tỉnh phía tây. Cụ biết thế không sao chống lại, bèn nộp thành trì cho người Pháp rồi uống thuốc độc tự tử.

Biết cái việc tự ý dâng ba tỉnh đó là đặt tội với triều đình, cụ cho mình không còn là một bậc thượng quan nữa mà chỉ là một tội nhân.

Những di chúc của mây danh Ông, Tây

PHẠM-MẠNH-PHAN

Nếu sau khi chết, mà người ta còn phò trương cái phẩm làm và chức tước của cụ ra, phẩm hàm, của vị Hiệp Điện đại-học-sĩ kinh-lược-sứ, thì tương lực quốc gia đang trải những giờ phút đau thương, vọng hồn cụ chỉ càng thêm buồn tủi!

Vì vậy, cụ chỉ muốn người ta coi cụ như một người học trò già họ Phan đã quá đời và để lại con cháu đừng có khắc cả phẩm hàm của cụ lên mộ-chi.

Lời dặn trước khi cụ mất là:
« Minh-tinh thỉnh lĩnh, nhược vô, ưng thư
« Đại-Nam hải-nhai, lão thu sinh tỉnh Phan chi cữu
« Diệc dĩ thử chi mộ. »

Nghĩa là: . .
« Xin bỏ tấm minh-tinh, nếu không thì nên đề là:
« Quan-tài của người học-trò già họ Phan ở góc bể Đại-Nam.
« Cũng lấy câu ấy mà ghi ở mộ. »

(San nhuận hai bản dịch trong Đại Việt)

Ngoài câu dặn trên, nghe đâu cụ còn dặn lại con cháu và đám hậu sinh một câu sau này đây ý nghĩa:

« Nên học người, chứ đừng nên theo người »

Sự-nghiệp của cụ Phan đã được cụ đồ Nguyễn đình Chiếu (1822-1888) viếng trong mấy vần thơ thống-thiết:

« Ba triều công-cán vài hàng sớ,
« Sáu tỉnh cưu-vương thường một gánh sầu »

« Minh-tinh chín chữ hồng son tạo,
« Trời đất từ đây mặc gió thổi » (2)

Cụ Phan thanh Giản quả là một người giàu lòng ái quốc biết xót xa tới tính mệnh của người đồng chủng, biết rõ lực lượng quân bị của quốc gia hồi đó trước sức mạnh của đối phương.

Cụ tự vẫn đề tỏ lòng trung, cái chết của cụ và lời di-chức đã nổi nhiều với người đất nước vì cụ chẳng phải như ai bán rẻ phạm hồn để lợi lộc cho con cháu mà năm sáu lấy những nư cười mai mỉa.

Đền lại công-lao cụ, hồi đó linh cữu cụ đã được chở trên một pháo thuyền pháp đưa về an táng tại Bảo-thanh và vua Tự-Đức chẳng thấu rõ những nỗi đau lòng của cụ, đã xuống chiếu kết án bực danh thần trung quân ái quốc ấy.

Cụ Nguyễn tư Giản lại bỏ thượng thư cũng là chân tiên-đời xuất hiện. Về 1.
Suốt một đời tận tụy với nước với nhà lúc mất đi trên giường bệnh, con cháu cụ căn dặn đời biết những ý muốn sau cùng, cụ chỉ trả lời bằng hai tiếng:

— Vô hám (nghĩa là cụ không oán-hận thù trả h gì cả)

Lý Trần Quán
Ông người làng Văn-can, huyện Từ-liêm, đỗ tiến sĩ khoa binh tuất (1766), cuối Lê, làm đến Hiến sứ Hải-dương và Đốc đồng Cao-binh. Năm 1786, quân Tây-sơn, Nguyễn Huệ sau khi chiếm Quảng-binh và Quảng-Trị, liền tiến thẳng quân ra Bắc, hạ thành Thăng-long.

Ngày 25 tháng 6 năm binh-ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 47 (1786), chúa Trịnh Khải, tức Hoan nam vương (1782-1786), mặc nhung y, cưỡi voi xông vào trận. Nhưng thế quân Tây sơn mạnh, nên Trịnh Khải bị thua ở bên sông Thủy-ái. Quân Tây-sơn đốt phá phủ Chúa.

Trịnh Khải thua, phải cùng một bọn hơn trăm quân chạy lên làng Hạ-lôi, huyện Yên lã, tỉnh Sơn-tây rồi quân theo hầu tan hết.

Ở đó, chúa Trịnh Khải gặp Lý Trần-Quán trước lên đó phủ dụ dân chúng và mộ thêm binh.

Lý Trần-Quán liền sai học trò cũ là Nguyễn Trang hộ-vệ Trịnh Khải đề lanh nạn và nói dối Trang là quan Tham-chính Bùi huý-Bích, Nguyễn Trang hiết dịch đó là chúa Khải, liền cố tình đem nộp Tây-sơn.

Lý Trần-Quán nghe biết chuyện, chạy theo lấy khốc, lấy tình thầy trò mà đổ Trang đề mong cứu lấy chúa Trịnh; nhưng Trang trả lời:

— « Sở thầy không bằng sở gì, yêu chúa không bằng yêu mình ». Trịnh Khải không chịu, huân phục, nửa đường lấy gươm tự sát, bây giờ là ngày 27 tháng 6 năm binh-ngọ (1786). Sau nhà chúa được Bắc-binh, trong Nguyễn Huệ có táng theo vngql.

Lý-Trần-Quán nghe tin thượng vót bội phần, hồi hận đã không trọn lòng trung, liền làm lễ tự vẫn đề tỏ gan dạ cùng giờ đất.

Ông nhờ chủ quán sầm-sầm cho một cỗ đồ quàn và làm một thửa đất để tự chôn sống. Rồi ông lấy bút mực viết:

« Quốc phá quân vong, phủ đệ vô trang, bất như từ Dan, hận bất tử tr vương chi tiên, nhi tử tr vương chi hậu »

(Nước vỡ vua chạy, đi phủ đệ chẳng nên công trạng gì, chẳng bằng chết, Chỉ hận không chết ở trước Chúa, lại chết ở sau chúa)

Rồi ông ngảnh về hướng nam, lạy hai lạy, ông vào nằm sấp trong quan tài và nói:

« Tam niên chi hiều dĩ hoàn, thập phần chi trung vị tổ »

(Nghĩa là: Nhiều ba năm đã trọn vẹn, trung mười phần chưa làm được).

Câu đó nhắc cho ta nhớ việc ông làm nhà ở cạnh mộ song thân ông khi trước đề cư tang. Và nay gặp lúc Chúa ly nạn ông chỉ còn biết chết để tỏ lòng trung.

Nói xong câu trên, ông dặn chủ quán nhớ nhắc lại lời cuối cùng ấy cho con cháu ông đề dán thờ ở gia-tử, rồi ông nhờ chủ quán dạy hộ nấp quan tài và lấp đất lên để tự chôn sống

(Xem tiếp trang 17)

Việt nam khoa học ngữ

Mang cái phương pháp ấy ứng dụng trong các khoa

Số 3

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

Tỷ - dụ về Vạn - vật học
(sciences naturelles).

Vạn vật học chia ra nhiều ngành, nhiều môn: Thực vật học (botanique) Động vật học (zoologie), Khoáng vật học (minéralogie), Thiên văn (astronomie), Địa lý (géographie générale) Địa chất (géologie) Vật lý (physique), v. v.

Các môn này toàn là những môn quan sát (sciences d'observation) nên trong sự nhận biết còn nhiều chỗ lổm-bổm (lacunes) thì tự nhiên sự xếp đặt các vật-học (objets d'une science) của chúng cũng chưa được tinh-vì trật-tự, trăm phần trăm. Minh có nên xếp lại không? Nền lắm, nếu các nhà khoa học chuyên môn của mình có thể làm được, vì công việc khoa-học chỉ là công việc xem xét cho hiểu biết và xếp đặt cho có trật-tự những điều mình hiểu biết thôi.

Nhưng xếp đặt lại được vì sau này mình hiểu biết hơn nhiều. Hay chưa xếp đặt lại được vì mình chưa hiểu biết tường tận chu đáo thì những đẳng cấp danh từ của các môn ấy mình cũng phải đặt cho có manh-mối, hên can thúc bá đề khi kêu lên thấy ngay từng loại, từng hạng, từng thứ.

Về cách đặt tên cho các vật của Thực-vật học và Động-vật học, có mấy điều này mình nên biết trước:

Trong tiếng ta, tên các cỏ-cây cùng các loài vật thường là những tiếng lưỡng vận (mots simples

dissyllabiques) không phải tiếng ghép (mots composés) như các nhà viết ngữ pháp (grammaire) vẫn lầm.

Chuồn-chuồn, Bướm-bướm, Ba ba, Rùa - rùa, Cà - cuống, Niềng-niềng, Cù - đèn, v. v. là những chữ lưỡng vận đáng viết liền hai vần lại với nhau. Nhưng viết rời nó ra rồi lại nối nó lại bằng cái vạch nhỏ cũng không hại gì, vì đại đồng thì tiếng ta vẫn có vẻ là một thứ tiếng độc-vận.

Những danh-từ chỉ các con vật thường là những âm nó hình dung cái tiếng kêu hoặc cách cử động, của các con vật đó. Tỷ-dụ: *Bò, Nghé, Ênh-ương, Cắc-kè; Rùa-rùa, Ba-ba, Chuồn-chuồn, Bướm-bướm...*

Những tiếng lưỡng vận danh-từ như trên này đến có ý muốn thành những tiếng độc vận cả khi người ta dùng đến nó luôn. Cái đó là lẽ tự nhiên, vì nếu không tối nghĩa đi, thì ai cũng muốn đỡ nhọc công. Vì vậy các nhà Ngữ-tự học cho rằng các thứ tiếng đa-vận rồi sẽ thành ra độc-vận. Điều đó chưa chắc đã đúng, không thể đúng được. Có một điều chắc chắn là đúng là khi người ta bảo tiếng Việt-nam rồi sẽ thành ra một thứ tiếng đa-vận là người ta lầm (Chớ xem bài Le Monosyllabisme dans la Langue annamite, tôi sẽ đăng).

Tên các loài cây cũng vậy, phần nhiều là tiếng đôi: *Đu-đu, Bìm-bìm, Lá-bú, Núc-nắc, Thlu-lu,*

Thài-lài, Thìa-là, Ó-ôi, Mò om, Tầm- duộc, Măng cụt, Chà-là, Sầu-riêng, v. v.

Có thể theo mùi, theo vị, theo dáng mà đặt tên cho các cỏ cây: Có thể theo tên nơi chốn mà đặt tên cho các cỏ cây như *Chà-là Bờ-đào (?)*, và các con vật như các tên rắn của giáo-sư Bourret.

Lại có thể việt-hóa tiếng pháp, năm bảy vần giữ lại hai vần kêu nhất.

Khi không có một tên rộng nghĩa người mình thường dùng hai tên hẹp nghĩa làm tiêu biểu mà đặt ra. Tỷ-dụ: *Trâu-bò (bovinés), Gà vịt (volailles), Gà-quê (gallinacés), Chim-muông, Cầm-thú (oiseaux et quadrupèdes vertébrés), Sấm bọ (vers et insectes, invertébrés), Chó má (canidés).* Bần eung, chỗ nào người Pháp đề chữ la-tinh, An-nam có thể đề chữ nho vào được.

Khi mình đặt tên cho các cỏ cây cùng các loài vật chưa có tên, mình sẽ nhớ những điều ấy mà đặt.

Động vật học

Về động vật học xưa kia người Pháp, người Âu chỉ đẳng cấp ra như thế này: Race, Espèce, Genre, Famille, Ordre, Classe, Embranchement.

Những chữ Pháp này toàn là những chữ sẵn có ở trong Thường ngữ của Pháp. Nhưng cái nghĩa của chúng trong Thường - ngữ tương-tự giống nhau, không được phân biệt trên dưới, rộng hẹp rõ-

ràng. Nhưng Động vật học của Pháp đã xếp mấy chữ ấy như thế với cái ý trên dưới rộng hẹp hơn nhau, tức là đã định nghĩa khoa-học cho chúng, thì hễ nói về Động-vật học phải biết rằng Race ở dưới Espèce, Espèce ở dưới Genre; Classe ở vào giữa, dưới là Ordre, mà trên là Embranchement.

Động vật học biết một con vật là khi biết nó ở vào race, espèce, genre, famille, ordre, classe, em-branchement nào.

Trong việt-nam thường ngữ cũng có những chữ tương đương với mấy chữ ấy của người Pháp là: *nói, giống, loài, chủng, tộc, thứ, hạng, ngành*.

Mình có thể dùng mấy chữ ấy và biết nghĩa cho chúng theo cái bảng đối chiếu tiếng pháp tiếng việt dưới này:

Race	—	Nói
Espèce	—	Loài
Genre	—	Giống
Famille	—	Họ
Ordre	—	Thứ
Classe	—	Hạng

Embranchement — Ngành.

Một lần đã định xếp như thế thì từ đó trở đi phải nhớ mấy chữ ấy theo thứ tự ấy, tiếng nào trên, tiếng nào dưới. Tỷ-dụ phải nhớ rằng Họ ở giữa dưới là Giống, trên là Thứ.

Mình biết một con chó là khi nào mình biết nó thuộc vào Nói, Loài, Giống, Họ, Thứ, Hạng, Ngành nào. Tỷ dụ phải biết con Chó ấy nó thuộc về:

1-) Nói (Race) Epagneule, Caniche, Dogue, Basset hay Levrier, vân vân.

Mình có thể đặt sau chữ Chó một tiếng phụ nghĩa, tạo ra bằng



cách phiên-âm tiếng pháp hay việt-hóa tiếng pháp ra. Đặt như thế rất hợp với cái phép đặt tên riêng — cái tên hẹp nghĩa thứ nhất — cho các vật của người Nam. Nếu viết - hóa tiếng pháp, Epagneule sẽ là Nhon, Caniche là Ca-nít, Dogue là Đồ, Basset là Ba-xê, Levrier là Yết chẳng hạn. Động vật học việt nam sẽ có những Nói chó Nhon, chó Ca-nít, chó Đồ, chó Ba-xê, chó Yết, v.v.

Hay là nói riu lại cho tiện, thì thành ra Chon, Chít, Chó, Chê, Chiết, v.v.

Chon, Chít, Chó, Chê, Chiết, v.v... sẽ là tên các Nói chó.

Hay là khi tiếng pháp có nghĩa thì mình theo nghĩa, khi không có nghĩa thì mình sẽ theo cái hình dạng đặc biệt của một Nói mà đặt tên cũng được. Tỷ-dụ:

Epagneul là nói chó ở Espagne, lông dài và tai rũ thì ta sẽ kêu là nói chó Ech bả ỉng, hay nói chó Bả ỉng, rút lại thành Chả ỉng.

Caniche = nói chó lông quan, rút lại thành Choăn

Dogue = chó mũi gầy, rút lại thành Chầy

Basset = chó chun khoèo rút lại thành Choèo

Levrier = chó săn thỏ rút lại thành Chỏ

Chả ỉng, Choăn, Chút, Choèo, Chỏ, v.v. sẽ là tên những loài chó.

Có người sẽ bảo nghe mấy tiếng ấy nó ngược tai lắm. Thưa: hễ biên được mấy tiếng ấy ra văn quốc ngữ cho người nhà quê đọc được, thì mấy tiếng ấy sẽ thành tiếng an-nam, có đủ bản năng của những tiếng an-nam. Nghe thấy nó lạ tai là vì mới nghe thấy lần đầu, nó chưa gọi cho mình một cái ý gì cả.

Chà, Chê, Chi, Chà, Chê, Chạch, Chài, Chày, Chàm, Chám, Chanh, Chanh, đọc luôn một tràng, lúc đầu nghe nó cũng chơng chơng, trợn trợn vậy. Khi đã biết chúng là tên của vật này, vật kia rồi, thì chúng cũng tự nhiên hết cái vẻ vô-lý miên-cương ấy đi.

Khi chỉ một vật nào, rồi bảo đưa trở mới tập nói rằng cái này gọi là Chén, cái kia gọi là Mũ, cái đó gọi là Diêm, thì từ đó nó sẽ gọi các vật ấy là Chén, là Mũ là Diêm.

Nếu biều nó mấy vật ấy kêu là Tách, là Nón, là Quet thì nó sẽ kêu chúng là Tách, Nón, Quet. Trước kia những cái âm đó đối với nó vẫn không có nghĩa gì cả. Sau khi nó đã biết tên các vật ấy rồi, thì những cái âm ấy đối với nó mới có nghĩa. Trước khi mình lấy một cái âm để làm danh-từ thì cái âm ấy đã có nghĩa gì đâu?

2) Loài (Espèce). Chó là một loài vật nuôi trong nhà. Pháp gọi là Familiaris (tiếng la-tinh), Việt sẽ gọi là Súc lấy ở chữ nho Lục súc ra. Vậy chó là thuộc về Loài Súc.

(Xem tiếp trang 20)

ĐẠI-NAM-DẬT-SU

Số 11

Ứng-hoè, NGUYỄN-VĂN-TỐ

VIII. — Mấy ông thứ-sử đời Tấn

Khi con cháu Đào-Hoảng trở về tiết châu Giao cho nhà Tấn, Vương-Đôn, (tên tự là Sử trọng) là một quyền-thần nhà Tấn, sai Vương-Cơ sang làm thứ-sử châu Giao, nhưng thuộc-tướng ở châu Giao là Lương-Thạc chống cự lại: Vương Cơ phải chạy về Uất-lâm. Rồi Vương-Đôn lại cho Vương-Lượng làm thứ-sử: Lượng bị Thạc chận, cánh tay, cướp lấy cờ tiết. Thế là Lương-Thạc tự giữ lấy châu Giao; nêu chính sách hiền-lượng, thì may ra dân cũng phục theo; nhưng Thạc-hung-bạo, mất lòng dân, cho nên khi vua Tấn sai Đào-Khản, là thứ-sử châu Quảng, sang đánh thì dẹp yên ngay. Truyện Đào-Khản (xem Tấn thư, liệt truyện, quyển 66, tờ 3a-8a) dài lắm, tôi chỉ trích những đoạn có quan-hệ đến châu Giao, đăng ở dưới này:

Vương-Cơ (tên tự là Lệnh-minh) là người Trường-sa, cha là Ngự làm thứ-sử châu Quảng, rất được lòng dân Nam-Việt, sau người châu Quảng đón Cơ làm thứ-sử. Bấy giờ dư-dãng của Thục là Đỗ-Hoảng (hoặc Hồng) đưa yàng cho Cơ, nhờ đánh Quế-lâm. Hoảng tự mình gia sức. Cơ vì Hoảng dâng thư kể rõ với triều-dinh. Vương-Đôn, đoạt quyền vua nhà Tấn, cho Vương-Cơ là người khó áp chế lại muốn mượn tay Vương-Cơ để đánh Lương-Thạc cho nên kị công hàng được Đỗ-Hoảng, đổi Cơ làm thứ-sử châu Giao.

Lương-Thạc nghe tiếng, sai con đón Cơ ở Uất-lâm. Cơ giận là đến đón chận, mới bảo rằng: « Đến châu đánh, cho con Thạc một trận: » Có người chạy về báo tin với Thạc. Thạc nói rằng: « Cái anh chàng họ Vương đã làm nát châu Quảng, nay có gì lại phá hại châu Giao? » mới cấm người trong châu, không cho đón yào phủ.

Chức ty-mã là Đỗ-Tán lấy cờ Thạc không đón Cơ, khỏi quân đánh Thạc, bị Thạc đánh thua. Thạc sợ các kiêu-nhân theo Vương Cơ, mới giết hết người lương-hiện, rồi tự nhận chức thứ-sử Giao-châu.

Còn Vương-Cơ đã bị Thạc chống cự, thì chạy về Uất-lâm. Lúc bấy giờ Đỗ-Hoảng đã đánh được Quế-lâm trở về, gặp Cơ ở giữa đường. Cơ khuyên Hoảng nên lấy châu Giao. Hoảng sẵn có ý ấy, mới nắm cờ tiết của Vương-Cơ nói rằng: « Nên lần-lượt mỗi người cầm một lúc, sợ cứ giữ một mình? » Cơ bèn cầm cờ tiết đưa cho Hoảng. Bấy giờ Vương-Cơ cùng bọn Đỗ-Hoảng, Ôn-Thiệu, Lưu-Thâm (An-nam chí-nguyên, trang 154, chép là Lưu-Trị, tú-tài Giao-châu) cùng làm phản nhà Tấn. Khi Đào-Khản (tên tự là Sĩ-hành, người Phiên-dương, làm Thái-thủ Giang-hạ, xem An-nam chí-nguyên, quyển 2, trang 154) đến châu Quảng, trước đánh Ôn-Thiệu Lưu-Thâm, giết được, sau sai đốc

hộ đánh Cơ: Cơ chạy rồi chết. Khản sai đào mả lên chém (chép trong Khâm-dịnh Việt sử, quyển 3, tờ 18a-19a).

Năm Vĩnh-hung thứ ba (tức năm 323 sau Thiên-Chúa), Vương-Đôn cho Vương-Lượng làm thứ-sử châu Giao. Vương-Lượng tên tự là Ấu-thành, người Đan-dương, có tài-cán thao-lược từ thuở nhỏ.

Khi Vương-Lượng đến chào Vương-Đôn về sang châu-Giao, thì Vương-Đôn bảo Vương-Lượng rằng: « Tu-Trạm và Lương-Thạc là quốc-tặc, nhà ngươi đến nơi nên chém ngay. » Vương-Lượng đến châu Giao, thì Tu-Trạm đã lui về Cửu-Chân, thứ-sử Quảng châu sai người đốc Trạm, bảo nên về thú với Vương-Lượng. Lượng hỏi: « Trạm đã theo người ta thì không cho thú nữa »; nhưng thực ra đã sai người đi bắt Trạm về.

Lúc bấy giờ Lương-Thạc cũng ở đây, nói rằng: « Trạm là con tướng cũ ở châu, có tội thì có thể trách mắng, chứ không có thể giết được. » Vương-Lượng đáp rằng: « Đây là ý riêng của ta, chứ không can gì đến việc của ta. » Nói rồi, chém liền. Lương-Thạc giận, đứng dậy đi ra.

Rồi Vương-Lượng âm-mưu giết Lương-Thạc, sai thích-khách đi không được. Lương-Thạc bèn đem quân vây Vương-Lượng ở Long-biên. Đào-Khản là thứ-sử châu Quảng sai quân đến cứu. Chưa tới nơi thì Vương-Lượng đã thua.

Lương-Thạc bắt ép Vương-Lượng, cướp lấy cờ tiết. Vương-Lượng cố giữ không cho. Lương-Thạc bèn chặt cánh tay phải của Vương-Lượng. Vương-Lượng bèn lĩnh sắc

mặt/mảng rặng : « Chết còn chẳng sợ, chặt cánh tay có sợ gì ? » Đau hơn mười ngày rồi mất. (Chép trong *Tấn-thư, liệt truyện*, quyển 89, tờ 10b ; *Khâm định Việt sử*, quyển 3, tờ 19b, chép hơn một tuần).

Lương-Thạc bèn chiếm cứ châu Giao, nhưng tính người hung-bạo, mất lòng dân. Đào-Khải sai tham-quân là Cao Bảo đánh Thạc, chém được.

Vua nhà Tấn cho Đào Khản lĩnh Giao-châu thứ-sử, tiến phong chức Chinh-Nam đại-tướng - quân, cho dùng nghi-chế cũng như chức tam-ty (*Khâm định Việt-sử* quyển 3, tờ 19b) tức tam công. Đời Đông-Hán gọi chức ty-mã, ty-dồ và ty không là tam công, cũng gọi là tam-ty. Đời sau gọi ty mã là thượng-thư bộ binh, ty-dồ là thượng-thư bộ hộ, ty-không là thượng-thư bộ công (*Từ nguyên*).

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN TỔ

Cấp học phí

(L.T.S. — Chúng tôi nhận được bài dưới đây của ông Nguyễn Bản muốn cấp giúp các học trò nghèo bằng việc cấp học bổng — Một nghĩa cử đáng khuyến khích. Vậy xin vui lòng lục đăng).

Muốn cấp một năm học-phí cho một sinh-viên trường Kỹ-Nghệ, một sinh-viên ban tú-tài và một sinh-viên ban Cao-dẳng Đại học. Nam hay nữ sinh, trường nào cũng được. Kể người nghèo, hiếu học, hạnh tốt, sắp thi ra.

Xin hỏi :

Nguyễn-Bản Nam-thái-Long
100 Route de Huế Hanoi

Những lời di chúc...

(Tiếp theo trang 13)

Ông mất ngày 29 tháng 6 năm bình ngô (1786). Sau vua Chiêu-Thống truy tặng ông chức thượng thư và giết Nguyễn Trang xé xác tế ở trước mộ Trịnh Khải.

Vua Quang Trung

Vua Quang Trung (1788-1792) trong khi bệnh tình trầm trọng cho vời bộ Nguyễn Quang Diêu, trấn-thủ Nghệ an, về triều. Ngài giới lại rằng : « Ta khai-thác bờ cõi, đất đai được có cả nước Nam này.

« Nay đau ốm, chắc không sao qua khỏi được. Thái tử (Quang Toàn) tư chất hơi cao, nhưng tuổi hãy còn nhỏ. Ngoài có quân Gia định là quốc thù. (Bấy giờ Nguyễn Ánh đã lấy được Gia định Bình thuận, Bình Khang và Diên-khách, thanh thế đã mạnh). Vua Thái đức (anh vua Quang Trung) đã già rồi, chỉ cần yên vui sung sướng cách tạm bợ, chứ không biết lo về sau. Khi ta mất rồi nội trong một tháng phải liệu chôn cất, việc tang lễ làm đơn sơ dân tiện. Các người nên hiệp sức giúp Thái tử, mau mau thiên đô về Nghệ an để không chế thiên hạ. Nếu không thì quân Gia định kéo đến các người sẽ không có đất để chôn đầu. »

Đến ngày 29 tháng 9 năm nhâm tí (1792) ngài thăng hà.

Khi được tin vua Quang Trung mất, vua Thanh Cao Tông sai sứ đem phúng một pho tượng Phật, 3000 lạng bạc và kèm theo một bài lụy thi do chính mình làm lấy :

Ngoại bang lệ dĩ kiến bởi thần,
Triều cận tông vô chi kỷ thần.

Nạp khoản tối gia lại ngọc
Hoài nghi kham tiểu đại nhân
Thu trung thượng ức y quan
Tất hạ hồn như phụ tử thân.
Thất tự bất năng bài ai thuật,
Liên kỳ trung khốn xuất trung chân

(Đại nam chính biên liệt truyện sơ tập
quyển 30 tờ 42a 15)

Nghĩa là :

Theo lệ xưa nay, nước ngoài vẫn chỉ sai bồi thần sang cống, chứ chưa hề thấy quốc vương thân sang chiêu cật bao giờ. Rất khen việc đến cửa ngọc khuyết mà nộp cống khoa này. Thật đáng cười sự ngờ nhau mà phải lấy người vàng để thay thế. Còn nhớ mùa thu xưa buổi triều cận của quốc vương hãy còn rặng về áo xiêm chỉnh túc; lẽ nào tất bấy giờ có vẻ thân mật như tình cha con. Nay thấy bày chữ trong bài cáo phò ta không sao cần được nữa đau buồn, lại thương tâm là ngời trung thần ra từ tấm lòng chân thật. (1)

PHẠM MẠNH PHAN

1) Viết theo tài liệu của bạn Hoa B ng

2) Các sách báo tham khảo :
Chalcaubriand : *Mémoires d'Outre Tombe*

Octave Aubry : *Mon pèlerinage à Sainte Hô é* (Coul-rendia 1931)

Louis Plandría : *Voltaire*

Crouzet : *histoire illustrée de la Littérature française*

Nguyễn Giang : *Danh văn Ái Mỹ*

Nguyễn văn Tổ : *Trí Tân* 64 v 75

Phan kể Bình : *Nam hải dị nhua*

Trúc Khê : *Nguyễn Trãi*

Cao bi Quát

Đại Việt tạp chí số 4 và 11 1947
Trịnh như Tấn : *Tự h gia bị* 17 phẩ

MỘT BUỔI ĐI THĂM LÀNG DỪA

THI-NHAM

Hôm nghỉ lễ rằm tháng bảy vừa rồi, tôi đã có dịp đi thăm làng Dừa với cả một tấm lòng ao ước.

Dưới tiết đầu thu, buổi bình minh khuya gió êm ả, gió hiu hiu thổi, tôi cùng ông bạn Đ.-h.-K. xách xe tay theo con đường Vạn-phước, qua các làng Ngọc-trục, Đại-mỗ, La-dương, Ngải-cầu đến Thanh-quang 10 cây số, rồi rẽ lên đê sông Đáy, qua các điểm Thượng-độc — thuộc phủ Hoài-dec — Phương-bảng, Phương-viên, Đặc-sở đến Yên-sở — thuộc huyện Đan-phượng — 11 cây số. Thế là chúng tôi đã vượt một con đường 21 cây số để đến thăm làng Dừa.

Làng Dừa tức làng Yên-sở, tục gọi làng Giá, người Tây gọi là village cocotier, vì làng này khác hẳn các làng trung-châu xứ Bắc-kỳ, không phải một làng trồng lúa tre xanh, mà là một làng trồng những giàng dừa.

Muốn biết qua nội dung làng Dừa, chúng tôi xuống đê qua một cái cổng gạch phía Nội-đê để vào làng. Đường trong làng đều lát gạch, mặt đường rộng độ 2m, hai bên đường mọc thung-giang những cây dừa cao vút và thẳng tắp, trông như những cây đèn hồng người ta dựng ở hai bên đường lối vào một nơi nhà thờ nào trong những ngày lễ trọng. Chúng tôi đi quanh xóm nọ qua xóm kia, vừa đi vừa ngắm, thì chẳng những dừa mọc ở bên đường, mà bờ ao cũng có dừa, trong vườn cũng có dừa, sau nhà trước cổng cũng có dừa, những dừa là dừa. Vào làng

Dừa, chúng tôi có cảm-tưởng như ngư-phủ lạc vào Đào-nguyên, thấy những đào là đào vậy.

Theo nhời một ông lão trong quán nước trên đê, thì làng Yên-sở không phải nhà nào cũng có dừa, nhưng phần nhiều nhà trồng dừa, nhà nhiều có đến trăm cây, nhà ít cũng được rậm ba cây. Dừa rất dễ trồng, người ta trồng bằng quả, không phải vun bón gì, chỉ trong 7 năm đã có quả. Mỗi năm có ba vụ dừa: một vụ nở vào khoảng tháng 8 tháng 9, đến tháng chạp tháng giêng được trầy đó là vụ « dừa hoa »: quả lép, chỉ dùng để ăn trầu hay bày ngũ-quả chơi tết. Một vụ nở vào khoảng tháng giêng tháng 2, đến tháng 4 tháng 5 được trầy, đó là vụ « dừa nước »: cùi non và mỏng, chỉ dùng để lấy nước giải khát trong mùa hè. Còn một vụ nở vào khoảng tháng 5 tháng 6 đến tháng 8 tháng 9 được trầy, đó là vụ « dừa cùi »: vụ này mới là vụ chính dùng để ăn cùi. Dừa cùi của làng này quen gọi là « dừa Giá », tuy không được dày cùi bằng « dừa Thanh », nhưng mỗi năm kể cả ba vụ, mỗi cây cũng bán được từ 5 đến 10\$ là theo giá mấy năm trước; hiện thời thì gấp bội. Những nhà có dừa, họ cứ để ở cây, rồi đã có các lái buôn về mặc-cả mua cả cây mà trầy lấy, phần nhiều là người Hà-nội về mua.

Nghe ông lão thuật chuyện, tôi làm cái tình nhân: Số dừa làng này tuy không đếm được là bao nhiêu, nhưng có thể ước chừng vào độ một vạn cây, theo giá hiện

thời hơn bù kém mỗi cây 15\$00 thì làng này mỗi năm sẽ có món tiền lợi dừa là 15 vạn đồng. 15 vạn đồng, tưởng không phải một món tiền nhỏ vậy.

Làng này còn có nghề trồng dâu, nuôi tằm, kéo tơ. Giữa làng có một cái chợ gọi là « chợ Lụa », cứ ngày 3 ngày 8 phiên chợ, khách hàng ở Hà-nội, Hà-dong về mua tơ lụa. Đó tức là « tơ Giá », một thứ tơ tằm bản-xứ có tiếng trong trường công nghệ Hà-dong.

Xem xong làng Dừa, chúng tôi sang thăm đình Yên-sở tục gọi « đình Giá », là một ngôi đình tối cổ, do trường Viễn-dông Bác-cổ trông coi theo nghị định quan Toàn-quyền Đông-duyên ngày 16 Mai 1925.

Đình ở phía ngoại đê, dựng trên một khu đất có muống cây rậm rạp như một cái rừng con bao bọc chung quanh, rộng ước 50 mẫu ruộng. Đình làm lối « nội công ngoại quốc », có ba toà: đình trong đình giữa và đình ngoài liền theo thứ-tự. Toà trong 3 gian, còn 2 toà đều 5 gian. Chỗ mái ngói-toà giữa và toà ngoài giáp nhau, có một cái máng hứng nước bằng đồng đen, dài 20m. chạy suốt 5 gian đình. Hai bên lại có hai cái tiêu-dình, bên tả là nhà bia, có 6 tấm bia, cái lâu nhất từ đời Cảnh-trị nhà Lê (1663-1671); bên hữu là nhà ngựa, một con ngựa thờ sơn phấn trắng, chân cao 1m50, cõ cao 0m80, thân dài 2m. Cứ nhời ông

thủ-từ noi với chúng tôi, thì ngựa ấy cũng bằng đồng đen, có đồng thời với cái máng, là hai thứ bảo-vật quý nhất, chưa đình chùa nào có. Chúng tôi ngắm kỹ chỗ lỗ thủng ở khấu đuôi con ngựa là chỗ không quang phần, thấy đen đen và dày-dặn, rõ là một thứ kim khí, cùng một sắc với cái máng, có thể tin là đồng đen được. Chỉ đáng tiếc rằng ông thủ-từ cũng không rõ hai thứ bảo-vật ấy có từ đâu, từ bao giờ.

Từ hai cái nhà bia và nhà ngựa chạy thẳng ra đằng trước: hai bên có hai dãy hành-lang, mỗi dãy 11 gian. Ông thủ từ cho chúng tôi biết đó là nơi ăn họp của dân làng trong những ngày đại lễ: một bên của quan viên làng, còn một bên để tiếp quan viên làng Đắc-sở, một làng bên cạnh, cùng thờ chung Thành-hoàng và giao-hiếu với làng này.

(Còn nữa)

THI-NHAM

Ai muốn rõ cuộc đời đình
gay go của đoàn sĩ giả
Việt nam với nước Tàu
xin đọc:

Quan Thám kéo vó
của NG. TƯỜNG-PHƯƠNG

Giá: 0\$33

Có bán ở khắp hiệu sách
ba kỳ

Hộp thư. — Văn Hoà — Huế —
Q T K V có ba truyện thối vì gửi
khó khăn xin lỗi — Ty xuất bản T. T.

Những ông nghề trileu Lê

(Tiếp theo trang 7)

quyển 1, tờ 35 b; *Lịch-triều hiến-chương*, nhân-vật chi).

12. — Nguyễn-tuyên-Cần, người làng Uông-hạ, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Năm 27 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức Hình-bộ hữu-thị-lang. Trong đời Hồng-thuận (khoảng năm 1513), ông không chịu theo họ Mạc, chết vì tiết-ngĩa, thọ 53 tuổi, truy tặng thượng-thu, tước Thận-lộc-hầu *Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 58 b; *Lịch-triều hiến-chương*, nhân-vật chi). *Đặng khoa lục* (quyển 1, tờ 35 b) chép ông thọ 83 tuổi, có lẽ nhầm: cứ như hai quyển « *Đặng khoa* » chép ông đỗ năm 27 tuổi là năm 1487 (lúc là ông sinh năm 1461) mà đến đời Hồng-thuận (1509 1516) ông chết về việc nghĩa, thì ông chỉ ngoài 50 tuổi chứ chưa đến 80. Ông là anh ông Nguyễn-dức-Khâm, đỗ nhị-giáp năm 1502: anh em đều đỗ đại-khoa.

13. — Phạm-Yên người làng Kim-lan, huyện Cầm-giang, phủ Thượng-lông, trấn Hải-dương. Năm 27 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Làm quan đến chức Đông-các đại-học-sĩ (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 35 b; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 29 b).

14. — Nguyễn-tuân-Đạo (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 36 a, chép là Đạo-Tuân; chính bia Văn-miếu khác là Tuân-Hạo), người làng Hộ-xá, huyện Chí-linh, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đình-mùi 1487. Dời sang chức quan võ, làm đến tổng binh sử. *Đặng khoa lục* chép là ông nội Nguyễn-lương-ký, đỗ tam-giáp

khoa 1538, nhưng xem đến chỗ chép Lương-Ký (quyển 2, tờ 29 a) thì lại chưa là cháu nội Nguyễn-từ-Loa; xem đến chỗ chép Nguyễn-từ-Loa (quyển 1, tờ 28 b), đỗ năm 1482, thì không chưa gì cả; chỉ có *Đặng khoa bị khảo* (quyển Hải-dương, tờ 78 a) chép Từ-Loa là ông nội Lương-Ký.

(còn nữa)

Lưu-hoà NGUYEN-VĂN-TỐ

Kịch « KINH KHA »

(Tiếp theo trang 6)

cố gắng bài trí giàn cảnh mà cái tình thần của câu chuyện không giải bày ra được hết.

Tác-giả vở kịch ấy không nhận thấy cái tình thần cao thượng của thời đại Chiến-quốc, thời đại đặc biệt ở nước Tàu, vì lúc ấy Khổng giáo chưa được thịnh hành, cách hành-vi của người còn phát triển ra với cả tâm-hồn của cá tính.

Ba cảnh trên sân khấu hôm ấy, cùng các vai sấm tụy đa dụng công rất nhiều, nhưng chưa được hoàn toàn. Tôi chỉ nói cái tình thần câu chuyện không một phút nào làm cho khán giả hồi hộp.

Hạn cử một việc ở cảnh ba có nhiều người hồi-hộp cho Kinh Kha lúc bị quan nhà Tần khăm mà không hồi-hộp cho vua Tần lúc Kinh Kha cầm bực tranh bước lên điện.

Dù sao tôi cũng hi-vọng ở ban kịch Thế Lữ nhiều vì ban này đã trội hơn các ban kịch từ trước đến nay. Ước mong các nhà cầm đầu ban ấy sẽ gắng sức, tận tâm với nghệ-thuật, lưu tâm đến tình-thần các vở đem diễn thời sẽ giúp ích không những cho lối kịch xir này mà cả đến luân-lý của quần chúng nữa.

CAO CUONG,

Việt-nam khoa học ngữ...
(Tiếp theo trang 15)

3-) *Giống* (Genre). Người Pháp lấy tiếng la-tinh *Canis* đặt tên giống (nom de genre) chó Chó; người Nam sẽ lấy chữ *Khuyển* mà đặt vào.

4-) *Họ* (Famille). Tên họ của chó trong tiếng Pháp là *Canidé*; tên họ của chó trong tiếng Nam sẽ là *Chó-má*, *Chó-chồn*, hay *Khuyển-cẩu* theo phép đặt danh từ của ta, lấy hai tiếng hợp nghĩa dùng làm tiêu biểu, ghép lại thành một danh từ rộng nghĩa, như *Trâu bò*, *Gà vịt*, *Chim muông*. Hay theo lối tách một tiếng ra thành hai, như Đò-đạc *Gà-quê*, *Đặt dài*.

5-) *Thức* (Ordre). Chó thuộc về Thức vật biết ăn thịt, tiếng pháp là *Carnivore*. Tiếng nam không có, phải đặt ra. Mình sẽ nói lái Bết thịt là *Thịt biệt*. Tên thức của chó trong chuyên-môn ngữ sẽ là *Thịt chẳng hạn*. *Carnassier* trong tiếng pháp dùng để chỉ các thức vật ăn thịt sống. Mình sẽ nói rút lại *Thịt-sống* là *Thống* chẳng hạn. *Thịt* và *Thống* sẽ là hai danh-từ chỉ về Thức. (Ordre). Chó là thuộc về Thức *Thịt*.

6-) *Hạng* (Classe). Chó thuộc về Hạng có vú, tiếng pháp là *Mam in fère*. Việt-nam thường ngữ không có chữ tương đương, phải đặt một chữ chuyên môn ra mà dùng. Có vú, lái lại là *Cú vú*, lấy tiếng *Vó*. Chó là ở hạng *Vó*.

7-) *Ngành* (En. *branchement*). Chó thuộc về *Ngành* có xương-sống (*Vertébré*). Xương-sống lái lại là *Xống-sựp*, lấy tiếng *Xống*. Chó là thuộc về hạng *Xống*.

Vậy con chó của ông là thuộc về loài *Chon*, *Chit*, *Chở*, *Ché*,

Chiết, hay *Chăng*, *Choăn*, *Chut*, *Chèo*, *Chở*; thuộc về loài *Súc*, giống *Khuyển*, họ *Chó-chồn* hay *Khuyển-cẩu*, thức *Thịt*, hạng *Vó*, ngành *Xống*.

Tỷ như mình mới tìm thấy một con vật, mình phải quan sát xem nó vào *Ngành*, *Hạng* Thức và *Loài* nào; lại phải đặt tên *Họ*, tên *Giống*, tên *Nòi* cho nó.

Tên nói sẽ dựa vào tiếng pháp mà phiên-âm ra, hoặc dựa vào tên đặt (chỗ tìm thấy con vật), hoặc dựa vào một cái đặc tính về hình dáng của con vật mà đặt. Đó là cái tên riêng biệt của mỗi một, nói trong một giống.

Tên giống — Nếu con vật mới thấy nó giống con *Chuồn-chuồn*, hay con *Ba-ba*, thì nó thuộc về giống *Chuồn chuồn*, hay giống *Ba-ba*. Nếu nó không giống một con vật nào đã có tên rồi, thì dựa theo tiếng kêu, hay cách cử động của nó mà đặt. Mỗi tên sẽ có hai âm đồng vần mà khác giọng.

Tên họ — Sẽ đặt bằng cả hai ghép hai tên giống lại; lấy bằng cách lấy một tên giống đem thêm một vần phụ không có nghĩa. Mỗi tên sẽ có hai tiếng khác vần.

Những danh từ chỉ các Thức, các Hạng, các Ngành, sẽ dùng lối dịch nghĩa tiếng chuyên-môn của pháp, rồi rút lại một đoạn cuối một chữ theo lối nói lắt (contraction) hay lấy lối lái (métathèse).

Cứ theo hệ mà đặt tên, thì trong Động vật học của người Pháp có một đẳng cấp danh từ nào mình cũng sẽ có một đẳng cấp danh từ tương đương như thế.

Về Thực vật học cách đặt các đẳng cấp danh-từ cũng phải làm như vậy.

Về Khoáng vật học, tên riêng của mỗi thứ đã có sẵn trong thường ngữ. Cứ dùng những tên ấy mới tiện, không cần phải theo tên khoa-học của chúng, mới đặt ra cho môn Hóa-học. Còn những đẳng cấp danh từ có nghĩa rộng, nếu mình chưa có mình sẽ dùng lối dịch nghĩa tiếng pháp rồi rút lại mỗi đoạn thành một tiếng dùng.

Về Vạn vật học (Động vật, Thực vật và Khoáng vật), ngoài những đẳng cấp danh từ, những tiếng chuyên môn khác mình đã sẵn có ở trong thường ngữ rồi. Nếu có thiếu một chữ chuyên môn nào mình sẽ dùng lối dịch nghĩa rồi rút lại thành một tiếng mà đặt ra.

Những tiêu-tiết riêng để viết Vạn vật học bằng tiếng ta chỉ có thế thôi.

Đến đây, sau khi đã xem cho biết muốn viết Hóa học, Hình học, Vạn vật học bằng tiếng ta, phải làm như thế nào, chắc độc-giả đã nghiệm thấy rằng cái phương-pháp tôi chỉ ra ở bài *Adaptation* đăng trong báo *Annam Nouveau*, không phải là cái phương pháp riêng cho môn Hóa học, mà là cái phương-pháp chung cho cả các khoa.

Không theo cái phương pháp ấy sẽ không viết khoa-học bằng tiếng ta được. Cái phương pháp ấy là cái phương pháp rất khoa học, tìm ra bằng cách khảo cứu kỹ-càng về khoa học ngữ và về Việt nam ngữ, nghĩa là có dựa vào Ngữ-tự học mà bày ra. Không phải một cách viết khoa học không có phương-pháp nào như người ta có thể hiểu lầm.

Xét ra thì văn khoa-học cần phải có chữ-chuyên-môn, dùng tiếng nước nào mà viết cũng phải như người Pháp, người Âu phải làm như thế, phải đặt ra những chữ chuyên môn; người Tàu, người Nhật muốn viết khoa học bằng tiếng Tàu, tiếng Nhật cũng phải tìm lấy cách đặt chữ chuyên môn, thì người Việt nam muốn viết khoa học bằng tiếng Việt cũng không thể làm khác được.

Cải phương-pháp đó là cải phương-pháp chung cho cả các nước có khoa-học rồi hay chưa có khoa học mà muốn viết khoa học bằng tiếng mẹ đẻ. Viết bằng tiếng nước nào cũng phải tùy theo các bản năng cùng những luật biến cải tự nhiên về âm-buống của tiếng nước ấy để tìm cách đặt ra những tiếng mới tinh tạo dùng làm chữ chuyên-môn.

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

(Bài sau nói về trình độ cao thấp của các khoa học hiện thời, của khoa Động vật học).

Họ vua nhà Nguyễn

— Con vua đặt tên Đồi, kèm theo hai chữ Công-chúa.

— Con các hoàng-tử gọi là Công-nữ thị...

— Cháu các hoàng-tử gọi là Công-tôn-nữ thị..., công huyện-tôn-nữ thị..., vân-vân...

Về các họ tôn-thất, thì dân bà chỉ dùng ba chữ Tôn-nữ thị... mà thôi.

Có hiểu được những điều sơ lược ấy mới có thể biết cái dây thân-thuộc ràng buộc những người trong hoàng tộc như thế nào, và khi tới Huế, mình sẽ không ngỡ ngơ vì tên họ những người mình gặp.

TỬ-NGỌC

1) Nhà vua có những 142 người con 78 con trai, 64 con gái.

Mấy nhà báo tiền-khu

(Tiếp theo trang 3)

« Hội Truyền-bá học Quốc-ngữ thành lập từ ngày 29-7-1938, mục-dịch của Hội là dạy cho người Nam biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ theo đúng phương-pháp hoàn-hảo, hấp thụ những điều thặng dư của dân dùng cho đời sống. Hội có ban Giáo-khoa để săn-sóc về việc dạy học, ban Tu-thư để soạn sách, ban Cổ động để mời hội viên và ban Khánh-tiết để làm lễ kỷ niệm. Hội có trách nhiệm đi mở trường học, bày cuộc nói chuyện và mở nhiều thư-viện. Hiện nay hội có 26 trường học ở Yên-lái, Ngã-lá, Đò, Đào-thành, Hồ-lưu-Vị, Đại-lá, Quang-trung, Jean Dupuis, Nordemann, Trí-tri, Triton, Gia-long, Đông-dương, Việt nam, Trịnh-Kiểm, Tế sinh, Đại-lữ-viện, Công ích, Nam-thanh, Quỳnh-lôi, Tương mai, Phương liệt, Thái-hà, Khương thượng, Hoàng-mai, Ngã-lư-sở và Già-lâm, đã dạy được 25 000 người biết đọc biết viết để tránh khỏi cái nạn mù chữ. Hội đã dựng

được tỉnh chi ở Hải-phòng, dạy hơn 3 000 học trò và đang tiến-hành việc mở tỉnh chi ở Bắc ninh, Bắc-giang, v. v. »

Lại-lịch việc truyền bá quốc ngữ từ xưa tới nay đại khái là thế. Một khi chữ quốc-ngữ được phổ-cập là nơi ngõ hẻm hang cùng, ai nấy đều sẵn trong tay một thứ lợi khí ấy để bước lên vũ-độ giáo-dục phổ thông, thì đây chúng tôi mong nhìn thấy ánh sáng văn-minh được.

Từ sau bài cổ động học quốc ngữ của báo Đại Nam đồng văn đến nay đã ngót nửa thế kỷ, thế mà chữ quốc ngữ vẫn còn ở trong thời kỳ « phải truyền bá ». Càng chậm bao nhiêu, chúng ta tại càng phải gắng sức bấy nhiêu.

HOA-BẮNG

Đang in hồi năm 1921, nhưng còn ở trong Trung kỳ, đến năm 1938 mới ra ngoài Bắc.

2) Chỉ ông Trương Vĩnh Ký là người phổ thông ở đương thời; hầu hết là chữ ta.

(1) Ông Thọ Tường.
(2) Những ông voyelles
(3) Chữ tiếng sanskrit
(4) Chữ công chức được thuyên bổ hoặc thăng chuyển.

(5) Về mấy tiếng cũ của Đệ Nhị Đế chế như chữ-phủ Pháp.

NHÀ XUẤT BẢN

HAO - QUANG

Trụ sở 62 Bonard Saigon

Giám đốc: ĐỖ NGỌC QUANG

15 Octobre 1943 sẽ phát hành

NHA, NHO

tiểu thuyết của CHU THIÊN

Một thế hệ

Một nhân vật

và cả một linh hồn

Tổng phát hành

Giá: 4\$50

HÀN - THUYỀN

71 Liên tsin Hanoi

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẠY CUNG CHUÔNG VÕ

Số 6

CHU-THIÊN

Và coi tươi cười nhìn Hòa-Đạo vui một vẻ trân trọng thần phục lòng háng hái thẳng-thần ở chàng, rồi van dều-dều tiếp:

— Tiều-tướng lại còn phân-vân không biết ngỗ trong cái vẻ bằng-bột ấy, người ta có giấu giếm một mưu rạo gì chăng?

Đoàn Đông-hải liền hỏi:

Vậy ý nghĩa sĩ định sao?

— Tâu đại-vương, họ đã biểu lộ một hoan hỉ như vậy, tiều-tướng thiết nghĩ, ta cũng làm thình như không biết, cứ viết thư hẹn ngày đánh họ Trần, xem họ giả nhời lại thế nào, tức là lộ ngay chân tướng ra đây.

Và Côi vừa nói xong, thì công-tử Thịnh-Nguyên đứng dậy xin phép với Đoàn Đông-hải vương mỉm cười, gật đầu.

Công-tử đồng ý với nghĩa-sĩ?

— Dạ, tâu đại-vương, không ạ? Tiều-tướng thiết nghĩ như thế không được. Một người ta gian-giảo thế nào đi nữa, ta cứ thực thà mà đối lại họ. Ta đã k'ông ưa cái hành vi mở cửa họ, thì ta cứ thực-thà gửi thư trách họ xem họ có còn vớt vạt giữ được cái lòng-trung nghĩa đối với tôn miếu nhà Lý và thien hạ hay không?

Đông-hải vương hỏi:

— Như vậy công-tử cùng một ý nghĩ với công-tử Hòa-Đạo?

— Tâu đại-vương, vâng ạ!

Đông-hải vương cười:

— Nhưng hai đảng tuy khác nhau về điều liết mà đại-ý vẫn là một, Đảng nào cũng muốn xem vua tôi miền Bắc tổ thái-dộ đối với ta thế nào cả. Suy nhiên, Thành-nhân trọng chí hành, ta cũng nên theo gương, lấy lòng chí thành mà đối xử với Đại

thắng-vương. Như vậy, thì theo ý kiến của hai công-tử Hòa-Đạo và Thịnh-Nguyên vẫn hơn. Tất cả các anh em đây nghĩ thế nào?

Cả bọn cùng suy-nghĩ một lúc, rồi cùng đáp:

— Tâu đại-vương, lữ-tiều-tướng xin tuân ý đại-vương l'eo như hai công-tử vừa bàn trước.

— Tiro là viết thư thông trách?

— Ầm vang, viết thư thông trách và đồng thời hỏi xem có cùng nhau đánh họ Trần nữa không?

Đông-hải vương lại quay hỏi nghĩa-sĩ Văn-Côi:

— Nghĩa-sĩ cũng cùng một ý vậy? Văn-Côi đứng lên thưa:

— Tâu đại-vương, tiều-tướng trộm nghĩ đã thông trách thì thôi đừng hẹn đánh họ Trần nữa, mà đã hẹn cùng đánh họ Trần thì thôi không nên thông trách. Bởi vì đảng nào thì cũng kết quả như nhau cả. Mà trong hai đảng tiều-tướng cũng xin làm cùng ý với anh em, tuân theo đại-vương thông trách là hơn.

Một người phụ-họa vào:

— Bẩm, trên có đại-vương và đóng đủ các anh em đồng chí, nghĩa-sĩ đây bàn rất phải, thông trách nguyên thôi vẫn cao kiến hơn...

Đoàn Đông-hải đại-vương vui vẻ và nghiêm trang lên tiếng như truyền lệnh.

— Các anh em đã cùng một ý cả, vậy bây giờ ta bàn đến việc viết thư. Bức thư thông trách đại-ý phải thế nào và lời lẽ cần giận dữ hay hòa-nhã?

Mấy người đều nói:

— Dạ, bẩm điều đó xin tùy đại-vương quyết định.

Đông-hải vương nói:

— Hợp chúng trí dĩ thành đại-sự có góp ý kiến nhưu mới làm được việc lớn chứ. Vậy anh em cứ thêm nhiều ý kiến vào, tôi xin công-bằng mà lựa chọn.

Một người đứng lên xin nói. Vương vui vẻ khen:

— Tốt, xin tráng-sĩ cứ nói!

Người ấy lễ phép nói nhỏ nhỏ đủ nghe:

— Tâu đại-vương, tiều-tướng trộm nghĩ, đã là thư-thống trách thì lời nên nghiêm trang đính-đặc và tỏ vẻ giận dữ khinh-bĩ...

— Như thế, tráng-sĩ cho có-lợi gì không?

— Dạ, bẩm đại-vương làm như vậy, tỏ ra ta không cần gì họ, khinh-bĩ họ, để cho họ hoảng-sợ mà... mà phải nói rõ chân tình.

Đông-hải vương cười:

— Chưa chắc! Anh em có ai nghĩ khác?

Một vị nữa đứng lên thưa:

— Tâu đại-vương, đành rằng là một bức thư thông trách, nhưng đây đối với Đại-thắng-vương, ta đã mất cả vẻ thân mật ngày xưa, hai bên giao-thiệp với nhau chỉ còn là nghi-lễ thông hiểu, thì ta cũng nên dùng lời văn dịu-dàng và đánh thép thì hơn.

Thấy vương còn ngồi im, nghĩa-sĩ Văn-Côi liền đứng dậy nói:

— Tâu đại-vương, tráng-sĩ Hoài-Nam bàn rất phải. Trong thư giao-hiếu, dùng lời lẽ từ-tôn mà đánh thép, mới hợp lẽ.

Đông-hải vương gật đầu lia lịa, tỏ vẻ ưng thuận, nói tiếp:

— Vâng, tôi cũng nhận như vậy. Ta tỏ vẻ giận dữ khinh-bĩ, chưa chắc đã làm cho họ biết lòng ngay thẳng

cao quý của mình mà lại làm cho họ tức giận. Cả giận mất khôn, họ phải khùng lên cự tuyệt mà chống lại mình. Có phải đại không? Các anh em suy nghĩ kỹ xem có phải?

Đồng-hải hỏi thế và nhìn thẳng vào công-tử Hòa-Đạo và Thịnh-Nguyên. Hai chàng liền hớn hờ cùng thưa:

— Tâu đại vương nghĩ thế chi phải. Khiến khích chỉ tỏ hại mà không có lợi, chỉ bằng ta cứ mềm dẻo mà kỳ trung ý nghĩa vẫn cùng cõ, để cho họ. Vì dù thực có lỗi, còn biết đường mà hối cải. Giả dụ họ có một mục-dịch cao mà mình chưa xét thấu được họ cũng được dễ dãi mà lộ bày cùng ta.

Người trước tiên chủ trương lời thư phải tỏ ra sỉ nhục khinh bỉ, vẫn còn chưa chịu, đứng lên hỏi:

— Xin phép đại vương tiên lượng hỏi: giả dụ họ có lỗi mà không hối cải, hoặc không chịu tỏ bày cùng ta thì các anh em bảo sao?

Đoàn vương liền đáp, đỡ mọi người:

— Đã để thế thì cũng đành thôi chứ sao. Ta tin ở một mình ta mà theo đuổi lấy việc nghĩa, còn thua được là mạnh giỏi. Vả lại dù đời. Nhưng lòng ta thủy chung vẫn vậy. Chứ bốn ba sự lợi mà cầu yên thân ta thật quyết không khi nào chịu hạ mình làm liềm.

Ngừng một lúc, ngài nhìn hết lượt mọi người và hỏi tiếp:

— Các anh em còn ai nghĩ rộng nữa xin cứ nói rõ.

Mọi người đều đồng thanh đáp:

— Tâu đại vương, lũ tiên-lương xin cùng lòng hết sức tuân theo ý nghĩ của đại-vương.

Vương cười hỏi:

— Tức là dùng lời thư mềm dẻo mà cứng cỏi sang hỏi Đại-thăng vương? Đã vậy, anh em phải nói rõ làm sao các anh em lại nhất luật tin theo như vậy?

— Tâu đại vương, một vài anh em tiên-lương đã tỏ qua ý kiến riêng vửa rồi, nghĩa là làm như vậy, ta được nhiều lợi, vẫn giữ được ý chí cao quý độc lập của ta mà không ép bức gì người ta phải cưỡng ý theo mình. Lúc nào ta cũng tỏ được là những tay trong nghĩa và tin tài.

— Vậy thế là xong giờ ta viết thư, anh em định cử ai thảo?

(Còn nữa)

CHU THIÊN

Đã có bán:

NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

512 trang. — In đẹp

Bản thường: 5\$00

Bản Giỏ Văn (hết)

Bản Impérial Đại La: 20\$00

(còn một số ít)

Anh Hoa

69 hàng Than Hanoi

Giới thiệu

Trương-vinh-Kỷ
của Lê - Thanh

(Tàu-Dân xuất bản, giá 0,90).

Đó là một tập biên khảo đáng lớn trong *Khảo thông chuyên san* số 3.

Tác giả đã dụng công nhặt nhiều tài liệu ở trong 30 cuốn vưa sách và báo xuất bản từ trước nay nói về bực tiên hiền đó.

Hơn nữa, tác giả đã lời tựa về quê hương cụ Trương-vinh-Kỷ, cho g vắn các con cháu cụ, xem các thư và nhặt được nhiều tài liệu mà từ trước chưa ai nói tới.

Cuộc phỏng vấn các nhà văn của Lê-Thanh

(Đời Mới xuất bản giá 2,80).

Trong cuốn này bạn Thanh đã lôn nhiều công phu tới thăm các ông Trần-trọng-Kim, Nguyễn-văn-Tổ, Nguyễn-dôn-Phụ, Ngô-văn-Triệu, Hoàng-ngọc Phách, Vũ-diên-Long, Tú-Mỡ và Đào-duy Anh.

Bạn đã nhặt được nhiều tài liệu quý về các nhà văn kể trên.

Chúng tôi tin rằng cuốn sách của bạn sẽ giúp ích, nhiều cho những ai muốn khảo cứu đồ viết cuốn Việt-nam văn học sử.

Xin vui lòng giới thiệu hai cuốn sách trên của bạn Lê-Thanh với các bạn trí thức của Tri-Tân.

MẠNH PHAN

Sách mới

HỌC THUYẾT FREUD

Một học thuyết đã làm chấn động hoàn cầu lần đầu tiên được diễn ra quốc văn do ông

TỔ KIỀU PHƯƠNG. — Giá 2\$50

Đã có bán

Triết lý về Vũ-trụ và Nhân-sinh

của PHAN MẬT — Giá 2\$80

Nhà xuất bản TÂN VIỆT

29 — Lamblot, Hanoi

Sắp có bán

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN ĐÌNH TUI

Một cuốn triết học nhận mình thật dễ hiểu nhưng không lười thường. Một cuốn triết học và pháp được rõ ràng dễ hiểu hóa của nền triết học phương Tây. Một cuộc phân tích cặn kẽ, nghiêm, khuyến khích và những kết quả mới mẻ nhất của triết học, khoa học hiện đại. Một tác phẩm đặc biệt trong các sách triết học TÂN VIỆT.

Những sách của thư xā
ALEXANDRE DE RHODES
ĐA XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU, tome II (trọn bộ)
cả bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
470 trang 17 X 24 tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
bản thường 3\$00 — bản Vergé bouffant 8\$50

CHINH-PHỤ NGÂM

cả bản dịch Pháp - văn của BÙI-VĂN LĂNG
140 trang 17 X 24 — tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
bản thường 1\$50 — bản Đại La Impérial 5\$00
SẮP XUẤT BẢN

TRUYỆN TRẺ-EM của **PERRAULT**
(Contes de Perrault)

Pháp văn và Việt văn đối-chiếu—Một giai phẩm
về nghệ in toàn tranh ảnh và bìa 4 màu
của MẠNH QUỲNH

150 trang khổ album 22 X 32 gồm có 8 truyện
rất lý thú, đã làm vui các trẻ em thế giới từ 300
năm nay

bản thường 2\$50 bản giấy Đại La 12\$00
(cước phí như Chinh phụ ngâm)

Quyển Từ-diễn chuyên môn đầu tiên
trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những-tiếng có điển
lịch thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn.
Có cảm thấy cái hay-ấy thì mới đề ý đến quốc-
văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay liên-sinh cho
xuất bản tập « Văn liêu Từ-diễn » giảng rõ
những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển
cổ, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập
sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn
một phần lớn ».

Trích thư của

Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 X 25

Giá bán lẻ có 5\$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm
0\$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi - HANOI

54, Doumer - HAIPHONG

Muốn hiểu triết-học
Muốn hiểu các thuyết triết học đông, tây
Muốn trở nên triết sĩ

CÁC BẠN HÃY ĐỌC

TRIẾT-HỌC
ĐẠI-CƯƠNG

— Quốc Học Thư-Xā

xuất-bản và phát hành

Giá mỗi cuốn 3\$00

bản giấy vergé crème 10\$00

bản giấy lạng-chỉ 5\$00

cước 1 cuốn 0\$60 mua sách xin trả tiền trước để

M. LÊ VĂN HÒE

16 bis Tien Tsin Hanoi

Sắp ra

KHÔNG TỬ HỌC-THUYẾT

Một bộ sách khác hẳn các sách nói về

Khổng Giáo từ xưa tới nay, tựa của cụ Lại B.
PHẠM QUỲNH

30 Oct. 1943 đã phát hành



HÀN THUYỀN

Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »

ĐÃ CÓ BÁN

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?

của **NGHIỆM-TU** 2\$50

SẮP PHÁT HÀNH

LUÂN LÝ

THỰC NGHIỆP

của **LÊ VĂN SIÊU** 2\$50

HÀN THUYỀN : 71 Tien Tsin Hanoi